

THÀNH HOÀNG TUỞNG CƯỚP

PHẦN I

CÔI NGƯỜI XA VẮNG

Ông Mới nhìn hoàng hôn đang chìm dần trên bóng lá cây vú sữa trước sân nhà. Nó là bóng chiều của ông sau bao nhiêu biến cố cuộc đời. Đã bao lần ông từng hỏi mình là ai? Có phải là con cụ Mỗ làng Đông Thượng hay không? Rồi ông lại tự trả lời và trách mình sao làm người mà vô tình như thế. Suốt bao nhiêu năm không viết được một lời thư thăm hỏi người đã nuôi nấng mình ngót hai mươi năm trời. Ấy chỉ vì... chỉ vì... trong ông có một sự sợ hãi mơ hồ xen lẫn một nhục cảm đầu đời êm dịu như sương mới mùa xuân đang đọng long lanh trên cánh lá rau khúc dại mọc đầy trên cánh đồng làng Đông Thượng. Ông đã giữ kín suốt từ

ngày trốn khỏi làng cho đến bây giờ. Phải, cho đến bây giờ người vợ đầu gối tay ấp của ông đã sinh cho ông 5 đứa con vẫn chưa hiểu, chưa biết quê quán gốc gác của ông ra sao. Bà chỉ biết ông là người Bắc và hai con người vật vờ trôi nổi kiếm rác đổi miếng cơm bên bờ kênh Nhiêu Lộc của Sài Gòn thập niên bốn mươi ấy đã gặp nhau và họ nên vợ nên chồng dưới một căn lều rộng bốn mét vuông được dựng lên bằng đủ các vật liệu kiếm được. Cọc sắt, miếng tôn hoen rỉ, tấm tăng bạc màu mỏng dính của trại lính vắt ra... Bằng ấy thứ đủ quây kín căn lều chỉ chừa có một lối ra vào như lỗ chó chui. Rồi cũng như sự cuồng vũ ban đầu thời ông mười tám tuổi trong lòng đống rơm bên hông đình Đông Thượng trong một đêm lễ hội Thành Hoàng. Sự mê mụ hoan lạc của hai người đêm đêm có trăng sao lọt qua lều làm chứng và năm sau bà đã sinh cho ông một đứa con gái. Họ là những kẻ vô gia cư nên con cái cũng chẳng có khai sinh và cái tên đầu đời là trần trụi. Bé Hai được theo họ bố. Cái họ Trần ấy là do cụ Mỗ - bố ông khai. Đôi lúc ông đã nghĩ có họ hay chẳng có họ cũng thế mà thôi. Cuộc đời ông có làm vương làm tướng gì đâu, suốt ngày, suốt đêm chỉ là một thằng trôi nổi vớt rác trên sông. Quần áo đậm mùi tanh gớm

ghiếc dưới những gằm nhà sàn càng ngày càng mọc dài ra giữa dòng sông. Bọn Phú lít vừa thấy đã vội lấy tay bịt mũi, đạp xe cho nhanh thì ông có họ có tên để làm gì?! Nhưng mỗi con người có một hạnh phúc riêng của nó. Từ ngày ông có vợ, có con, ông say mê ngụp lặn vớt rác nhiều hơn. Có hôm vừa ở sông lên rất lạnh mà vác bao tải mới đi được một quãng mồ hôi đã đổ đầm dề. Ông bước như chạy và khi gần về tới căn nhà lều cư ngụ thì lại bước từ từ... Bởi vì ông muốn được nghe tiếng ru con của vợ. Tiếng ru ấy như ngum nước mát xoa dịu nỗi cực nhọc và khiến ông quên cả những đêm nằm thao thức nghĩ tới cảnh ngày mai vô định. Và nhất là một nỗi nhớ đi sau một sự sợ hãi mơ hồ...

Lịch sử cận đại thời kỳ khởi nghĩa đuổi thực dân Pháp trên đất nước ghi rằng: "... Tại miền Nam ngày 2/9/1945 bắt đầu xảy ra cuộc xung đột với thực dân Pháp và đến ngày 5/10/1945 chiến tranh du kích chống Pháp bắt đầu. Từ dân chúng những anh hùng dân tộc xuất hiện. Nào ôm bom liều mình, nào xung phong gài mìn, nào tắm xăng làm đuốc sống đốt phá kho tàng của địch...".

Cảnh hoảng loạn của thành phố càng tăng. Mặt kênh Nhiêu Lộc đạn lổm bõm rơi, nước bắn lên tung tóe.

Tiếng chân người chạy bộ, tiếng bánh xe ngựa, xe tay nghiên rít trên mặt đường vọng vào căn lều vợ chồng anh Mới. Nhất là ban đêm những ánh lửa bập bùng lúc xa lúc gần như ma trôi càng làm cho vợ anh hồi thúc anh di tản theo mọi người. Trong cái u uất của cơn mưa Sài Gòn tháng tám không vỡ ra được, Mới khoác vội vào người chiếc áo nhà binh Tây quảng chỉ còn một ống tay áo rồi cầm cái bồ cào nhỏ móc rác, lần theo bóng đêm qua các ngõ ngách dọc đường Trần Quang Khải ra phía nhà thờ Tân Định. Khi vừa đến ngõ Frostin (đường Lê Chân) bỗng một chiếc nón ca lô nhô ra kèm theo giọng nói trầm đục.

- Đồng chí lạc đơn vị hả? Hãy mau rút qua cầu Bông. Mới lạnh trí trả lời: - Cám ơn đồng chí. Rồi vội lủi qua xóm Chùa. Anh luồn qua các con đường hẻm. Hẻm chằng chịt tối mò không biết đâu là đường về. Cuối cùng lạc vào một căn biệt thự bỏ trống. Trời sáng dần và phía nhà thờ Đức Bà, tiếng súng nổ chát chúa vang lại. Tự vệ thành đang ngăn bước tiến của Pháp đổ về khu Tân Định. Mới run như cây sậy chạy vội vào trong nhà tìm chỗ nấp. Anh nghe tiếng súng, tiếng lựu đạn nổ hình như đứng một chỗ, nghĩa là hai bên vẫn cầm chân nhau. Mới tranh thủ kiểm cái ăn lót dạ. Anh la

lầm dò từng bước trong ánh sáng lờ mờ lọt qua những cửa sổ đóng kín. Tủ giả ở các phòng đã bị lục tung. Quần áo, sách vở vất ngổn ngang. Hình như người ta đã vào hôi cửa và vất lại các thứ không giá trị của một gia đình khá giả đã bỏ nhà đi chạy loạn. Xuống nhà bếp anh chỉ nhìn thấy vài lát bánh mì cắt xén mốc xanh bên lọ ma-gi nằm nghiêng chảy dài từng vệt trên mặt bàn gỗ loáng bóng. Gờ tường bếp chỉ còn các móc treo cô độc, nồi niêu xoong chảo không thấy đâu. Nhìn thấy thùng gạo tung tóe ở góc phòng, anh nghĩ ngay tới miếng ăn thiết thực vội vàng tìm bao để... nhưng anh lại ngần ngừ bởi xưa nay chưa bao giờ anh trộm cắp của người. Song nghĩ tới cảnh thùng đạn đựng gạo ở nhà chỉ còn vài hột, anh tắc lưỡi tự nhủ: “Thôi thì đói ăn vụng túng làm càn”. Anh hối hả cho hai tay vào thùng gạo vun đầy bao rồi lên phòng trên quơ vội mớ quần áo đủ loại, lẫn mò, lấm lét men theo hẻm nhỏ như hang chuột. Cuối cùng anh cũng mò về nơi ở, nhờ bao gạo ấy mà vợ con anh sống được tới lúc Pháp đã làm chủ Sài Gòn. Thành phố lại lục đục những con người chạy loạn trở về. Tình hình an ninh căng thẳng. Mật thám của bọn Pháp tung ra khắp nơi. Vợ chồng anh Mới lại quay về nghề cũ.

Thế rồi một buổi tối, những căn nhà ven kênh bị bố ráp. Căn lều nơi anh ở cũng không thoát sự kiểm soát của lính đồng và mật thám. Ánh đèn pin soi góc này góc nọ và thùng đại liên anh dùng đựng gạo, con dao găm sét rỉ anh lượm được khi bố trí rác, đem về lau chùi mài sáng để thái rau, mổ cá là những chứng cứ hiển nhiên bọn mật thám ghép tội anh. Anh bị chúng trói tay lòi cánh khỉ và đưa về giam giữ ở thành Ô-ma. Chị Mới ôm đứa con ba tuổi khóc ầm ức, năn nỉ van xin, bị một thằng cầm súng ngấn đạp ngã dúm vào chiếc cọc lều. Căn lều nghiêng đi, từ từ úp xuống hai mẹ con chị Mới. Tiếng ồn ào quát tháo xa dần. Chị Mới lần mò ôm con chui ra. Bóng tối vẫn còn đây. Đây như cuộc đời khốn khổ của mẹ con chị từ đây.

Hơn nửa năm sau qua hết trại giam này tới trại giam khác. Ông Mới được thả ra với tám thân tàn ma dại. Theo lời vợ dặn lúc còn giam ở Chí Hòa, ông lần mò về quê vợ ở Phước Long. Sau hai tháng thuốc men sức khỏe đã hồi phục ông được người em vợ lúc đó đang nằm trong tổ chức công đoàn bí mật của Đoàn điền cao su Bình Long vận động vào làm công nhân. Với thành

tích bị thực dân giam cầm tù tội, ông được bố trí làm tuyên truyền viên bí mật. Lúc đầu ông còn ngậm ngùi không dám nhận. Song nhờ đạo còn mười bốn mười lăm tuổi đi theo bố thông báo việc làng việc nước ở trong thôn nên việc ăn nói đối với ông dần cũng quen. Công việc ấy ông hoạt động trong bí mật suốt đến ngày "Mỹ nguy" bị đánh gục, nhưng việc kết nạp cho đến nay – tuổi đời đã có hơn bảy chục vẫn chưa được. Vì lý lịch gốc gác của ông rất mơ hồ. Cái khai sinh mà cụ Mỗ – bố ông thời ấy – khai cho hình như cũng chỉ có tên bố là cụ Mỗ – còn tên mẹ thì được đề vô danh (?) Và lại chiến tranh khủng khiếp, đường giao thông đứt đoạn ai còn có thì giờ đến tận quê ông là làng Đông Thượng mà sưu tra. Với ông đạo đó chẳng bận tâm nhưng nay hòa bình đã lập lại. Việc có Đảng lại là việc lớn đối với tương lai của con cái. Mà năm đứa con ông đứa nào cũng có vợ có chồng, có công ăn việc làm cả rồi. Đứa thì ở Hội phụ nữ, đứa thì là vợ của một anh chỉ huy xã đội. Chỉ riêng còn thằng Út. Thằng Út năm nay hai mươi tuổi đã tốt nghiệp bằng tú tài bổ túc lại đang làm thư ký riêng cho giám đốc nhà máy chế biến gỗ cao su. Tương lai của nó muốn lên cao thì theo thời thượng phải có tý Đảng tý bằng mới có hy vọng. Vị giám đốc rất mến con

ông đã nhiều lần nhắc nhở nó về nguyên quán, để xác nhận lý lịch. Nghe con nói ý nguyện ấy ông quyết định một lần phải dẫn con về quê. Nhưng chẳng may cơn tai biến ở đâu ập đến đánh gục ông. Tuy thoát hiểm nhưng bây giờ chân tay bại liệt, ông đau khổ nhớ quê. Nhớ bố Mõ đã chết mười năm dù đã được hưởng vài năm thanh thoi sung sướng – do một người đồng hương tình cờ ông gặp cho biết thế. Bây giờ ông chỉ còn biết gọi thằng Út lại bắt nó ghi đường xá vào làng Đông Thượng phải qua những đâu, những đâu rồi đến căn nhà cạnh đình làng. Đây là nhà ông nội nó – cụ Mõ làng Đông Thượng. Rồi ông lại hạ giọng bảo con vào xóm này, ngõ này đến nhà ông Lý Huy hỏi xem mẹ con bà Xuyên ra sao? Cứ nói tên bố là bà ấy nhớ. Rồi ông lật gói đầu lên lấy ra một cuộn giấy gói chặt như chiếc chả giò. Ngó trước nhìn sau, thì thầm với con: “Đây là người xưa có ân tình với bố. Con nhớ đưa cho bà ấy và bảo bố biểu mẹ con bà ấy một chút làm quà. Khi nào khỏi bệnh bố sẽ cố về thăm”. Mà này, con đừng cho đứa con lớn của anh Tự mày đi theo làm gì. Có trẻ con vụng vúi trở ngại công việc của mình. Mai mốt bố con nó nghỉ phép tha hồ về quê mà nhận họ nhận hàng. Vả lại bố nhớ trong làng Đông Thượng

nhà nào cũng trông khế ở bờ ao. Dem theo thằng con anh mày đi nhờ nó lại táy máy trèo lên hái rớt xuống ao thì khốn. Rồi ông chép miệng bảo con: Chẳng hiểu cái ông nhà thơ, cái ông nhạc sĩ nào cứ xui dại trẻ con leo lên cây khế mà hái. Các ông ấy chắc không biết ông bà ta đã dạy “Học xương gà sa cành khế” là gì. Chẳng hiểu họ học hành ra sao mà cứ làm văn làm thơ xúi dại con nít thế con? Nghe bố hỏi, anh con Út cười bảo bố: Họ nói về tình quê hương đấy bố ạ. Chứ có ai bảo hái khế mà ăn đâu bố.

- Nhưng cứ hát ra rả thế nó ăn sâu vào đầu con nít. Tụi nó nào có hiểu. Đến bố đây già hơn nửa đời người rồi vẫn cứ bị ám ảnh việc leo trèo hái khế. Ừ mà thôi, con nhớ hết lời bố dặn chưa? Quan trọng là thấp cho ông bà nội nén nhang rồi vào nhà bà Xuyên... Anh con Út nghe bố dặn đi dặn lại:.... “Vào nhà bà Xuyên...” anh thoáng mỉm cười và nghĩ rằng chắc lại là mối tình xưa của ông cụ đây... nhìn thẳng Út bước ra khỏi cửa. Ông Mới nằm gác tay lên trán. Bóng chiều trên lá cây vú sữa ngoài sân đã mờ dần nhưng hình ảnh cây khế ngọt nhà cụ Bá vẫn rưng rục trong ông một nỗi nhớ mê hoặc tuổi mười lăm.

PHẦN II

THIÊN ĐỊA MÙ MỜ

Sách dư địa chí Tổng Đông xá có chép rằng xưa kia đất này vốn là đất một võ tướng dưới thời Lê Mạc có công với triều Lê nên được cất đất cấp cho. Đó là cái thông lệ của vua chúa phong kiến thường làm. Công lớn thì cấp đất phong hầu. Công nhỏ thì cấp đất nhỏ hơn lập ấp lập nhà lập trại. Đó là việc làm xưa nay đều vậy, chẳng ai lạ gì. Đông Thượng vốn chỉ có một tên, nhưng sau đó đến đời cụ Tổ thứ ba thì xung khắc và phe thứ đã kéo nhau lập làng cách Đông Thượng một cánh đồng và lấy tên mới là Tây Thượng. Khác hẳn với dòng trưởng thường ỷ lại vào cái công trạng xa lắc mơ hồ của ông Tổ. Bọn hào lý, kỳ mục trong làng thường bày vẽ nhiều luật lệ khắt khe kỳ quặc khiến bọn trai tráng trong làng thường bỏ xứ đi tha phương cầu thực. Làng Tây Thượng lại là một làng phát tiết về văn học.

Trải qua các triều Lê Trịnh đến đầu đời Nguyễn đã có nhiều bậc đại khoa; chỉ mãi sau này khi đất nước đổi thay thì Đông Thượng với các gia đình giàu có mới đem tiền đi mua bằng mua cấp. Đem cái giả của mình để vênh vang với cái thực của Tây Thượng. So với Trạng Lợn là một anh chuyên cắt giải lợn đỗ Trạng – xếp ngang với bậc đỗ đại khoa – thì Đông Thượng cũng có cụ Thịnh đậu Trạng do tài nói phét – nhờ cụ Trạng Phét mà từ đó con cháu noi gương. Dòng dõi phát triển thành một đám quân sư quạt mo sau này khiến nhiều người nể phục.

Lại nói thế đất của Đông Thượng là thế đất tay ngai, lưỡng long châu nguyệt. Mặt làng nhìn qua một cánh đồng có dòng sông lượn khúc như rồng, chảy từ Đông sang Tây. Vì mùa nước lớn, nước sông dâng cao ruộng vườn bị úng ngập, nên một con đê dọc bờ sông đã được đắp cao. Dưới chân đê là bờ tre rợp bóng, lá lượn cỏ gà xen lẫn cỏ xua rất mượt. Ngày mùa cây cấy, gặt hái người ta thường lên nằm nghỉ mệt và ăn trưa dưới dãy tre này. Phía đầu làng là một ngôi đình xây khá lớn. Mặt đình nhìn ra bờ sông và hậu cung ở phía mặt sau vào làng. Đó là con đường khá rộng, đi từ huyện lỵ vào

làng phải qua cái ngã ba này. Tay trái ngã ba qua con lạch nhỏ là một bãi tha ma. Phần lớn trồng những cây rười cành lá gai góc um tùm. Ban đêm, những ngày mất gió người trong làng thường nhìn thấy các đốm xanh bay lượn. Người ta bảo đó là ma trời; người khác lại bảo là bọn ma lai đang gọi nhau về moi xác chết lên làm tiệc ăn uống với nhau. Còn nhiều hiện tượng khác thường được dân làng Đông Thượng thêu dệt ra do sức tưởng tượng nhạy nhận được từ những nơi khác đem về làm giàu cho cái tai ương mà dân làng gặp phải như tự đứng trâu bò trong làng ngã ra chết hàng loạt hoặc trẻ con lâu lâu lại có đứa bụng căng như cái trống rồi lăn ra chết. Người ta cho rằng tại Đình xây xong mà không có Thành Hoàng mới xảy ra tai ương như thế; So với Tây Thượng chẳng có đình, có chùa mà dân làng vẫn giàu có phồn thịnh khỏe mạnh như trâu bởi có Văn chỉ, xuân thu nhị kỳ đều tế lễ . Các bô lão và hội đồng kỳ mục trong làng bàn đi bàn lại rằng việc đón Thành Hoàng về thờ phải là sự hiển linh, kỳ ngộ của một nhân vật nào đấy báo mộng hoặc có hiện tượng lạ lùng xảy đến cho làng thì mới được lập mà thờ cúng. Việc trước mắt là hãy làm một bát nhang cho ông mỗ ra lập căn nhà nhỏ ở cạnh hậu cung để hàng ngày đèn nhang

cầu Thành Hoàng xuất hiện. Cũng chính vì đó, mà ông mỗ là dân ngụ cư của làng đã có một giang sơn riêng. Và không biết có phải rằng mả tổ nhà ông đặt nhằm vào mạch mỗ không mà sao cứ hết đời này sang đời khác nhà ông cứ nối tiếp cái nghề này hoài. Tiếng tuy là mỗ xong công việc lại nhàn nhã và chẳng ai muốn tranh giành cái nghề này cả. Khi các nhà giàu có trong làng có giỗ chạp, tiệc tùng hoặc ngày Tết ngày nhất, các con cháu chắt chít chút nhà Mỗ đã có bài học truyền thống là ghé sang phía chợ bên kia đình, xin bà bán hàng trâu vài lá, bà bán cau vài trái là đã thành một cái lễ. Cái lễ ấy đem đi hết nhà này nhà khác chúc Tết gia chủ rồi lại đem cái lễ ấy về mà tay đã đồ ăn lúng lẳng và trong túi lại còn có vài trinh bỏ trong bao đỏ ối. Song có lẽ dựng nhà trên đất “độc” nên đời nào nhà các cụ mỗ cũng chỉ độc đình. Trải dài ngót hai trăm năm kể từ khi làng Đông Thượng có Thành Hoàng đến đời thứ 8 thì tuyệt tự. Truyền rằng một đêm sáng trăng rất đẹp. Trời lại hơi nồng. Vợ chồng anh mỗ rủ nhau ra ao đình tắm. Hai người đùa rờn trong nước mát thoảng hương sen hứng tình, kéo nhau hành lạc dưới bóng trăng nhẽ nhạt trên bờ cỏ trước đình làng. Không may lúc ấy Thành Hoàng xa giá đi chơi về; tức giận về hành

vi lõa thể của hai kẻ phàm phu dám làm ô uế nơi Người ở. Thần bèn rút đại đao ra phát một cái vào hạ bộ anh mõ. Anh mõ tự dưng cảm thấy một luồng khí lạnh, rùng mình ngất đi trên bụng chị vợ. Người vợ sợ hãi hết hồn vội ôm chồng vào đốt lửa xoa bóp và cho uống nước gừng mãi sau mới tỉnh. Vài năm sau người vợ dù có chữa mấy lần nhưng đều bị xảo thai. Các đời sau đó nghe đâu đâu phải xin con nuôi để nối dõi tông đường.

Ngược thời gian, kể từ lúc cụ Tổ đời thứ nhất của mõ làng Đông Thượng được biệt phái việc nhang khói để cầu làng có Thành Hoàng và nếu dựa vào chính sử thì làng Đông Thượng có Thành Hoàng kể từ năm 1745 đời Lê Hiến Tông. Đất nước kể từ Lê Túc Tông truyền ngôi cho Lê Uy Mục trở đi đã suy vong, triều chính đổ nát, xã hội loạn ly. Lê Uy Mục được gọi là Quý Vương làm nhiều điều bạo ngược, đấm say tửu sắc. Hằng đêm cùng cung nhân uống rượu đến lúc say thì cầm gươm giết hết. Tính đã đa dâm lại hay phản trắc. Khi Uy Mục bị Giản Tu Công giết rồi tự lập làm vua lấy hiệu là Lê Tương Dực. Tương Dực ác tựa Kiệt Trụ của phong kiến Trung Quốc. Suốt ngày đêm chơi bời xa xỉ. Sai người

thợ là Vũ Như Tô xây cung điện một trăm nóc và cửu trùng đài. Thường bắt đàn bà lão thể chèo thuyền chơi ở Hồ Tây lại thông dâm cả với các cung nhân tiên triều. Thời ấy người ta gọi Lê Tương Dực là vua lợn. Tuy nhiên dù sau này nhà Lê có bị họ Mạc cướp ngôi rồi họ Trịnh lấy cờ phù Lê đánh Mạc. Người dân Bắc Hà vẫn nhớ công ơn các vua Lê tiền triều có công đuổi xâm lược nhà Minh, mở mang văn học, mở rộng bờ cõi phía Nam... nên vẫn nêu lá cờ phù Lê diệt Trịnh, Mạc. Cho nên loạn lạc khắp nơi. Người nào cũng chiêu mộ dân quân hùng cứ một nơi. Chẳng hạn Nguyễn Tuyển giữ núi Phao Sơn ở Chí Linh chống nhau với họ Trịnh suốt từ năm 1739 đời Lê Ý Tông. Năm Tân Sửu 1745 đời Lê Hiến Tông, Hoàng Nghĩa Bá - Tổng đốc Hải dương đã đánh tan Phao Sơn. Nguyễn Tuyển tử trận, các tướng tá, bộ hạ quân lính của Tuyển chạy tan tác. Nửa đêm nguyệt tận. Cánh đồng Đông Thượng mênh mông là thế mà không có chút gió. Cụ Mỡ nằm thao thức không ngủ. Ấm nước trà bằng đất đã cạn khô. Và ống diều cây hút đã nóng tay. Chưa bao giờ cụ thấy trong lòng bồn chồn mất ngủ như đêm nay. Bỗng có tiếng lội nước bì bõm trước cửa ruộng mặt tiền đình, rồi một tiếng ngã vật xuống rất mạnh hình như có tiếng

binh khí đao thương đập vào đá và tiếp đó là những tiếng rên đau đớn của người bị thương hấp hối đang vật vã chồm ngã ba vào làng. Cụ Mỗ vội vàng vịn tỏ ngọn đèn hấp tấp đẩy cửa liếp đi ra. Người bị thương mặt đầy máu lẫn bùn không còn rõ mặt chỉ còn thấy đôi mắt trợn trừng và hàm râu tua tủa. Cụ Mỗ vội lùi lại, nhưng khi thấy thanh đao nằm ghếch lên tảng đá dưới chân người bị thương, cụ bình tĩnh trở lại và đến gần soi đèn nhìn thấy quần áo gã tả tơi, có nhiều vết chém lỗ chỗ. Cụ ngồi xuống lo lắng hỏi: Ông bị thương có nặng không? Vì sao ra cơ sự này? “Ta là tướng... Cướp... cướp... đường... chạy... về đây và rồi chuổi tiếng thở hắt thì thào: chủ tướng ta là tướng quân Nguyễn Tuyển... đã bỏ mình...” “Cụ mỗ không nghe rõ những lời sau vì tai cụ đã nghễnh ngãng và lời của người hấp hối thì bao giờ cũng khó nghe được chính xác. Chỉ có những người ruột thịt nhìn miệng mà đoán ra lời thôi. Cụ chỉ nghe thấy lời rõ nhất “Ta là tướng... cướp...” thì chân tay đã bủn rủn, thần trí đã lên mây định quay chân chạy, nhưng kẻ bị thương mắt đã trợn trừng lộn lộn trắng tắt thở. Lúc đó cụ mới hoàn hồn và vội giơ tay vuốt mắt cho kẻ xấu số rồi với tay xách ngọn đèn lấy bẫy trở về. Cụ đẩy cửa liếp bước vào quơ vội chiếc điều

cày hút luôn một lúc hai điếu, ngồi chờ sáng vào làng trình cụ Lý về sự việc trọng đại này.

Cụ Lý Huy vừa nghe báo sự việc vội vàng chạy sang ông Trương Tuần cùng ngõ xóm. Rồi truyền lệnh cho cụ Mỗ đến mời các cụ chánh, phó Hội, các nhân viên kỳ mục trong làng ra Đình họp. Đây là chuyện dân tứ xứ đến chết ở làng không phải chuyện chơi. Cụ bảo với Trương Tuần như thế và yêu cầu ông Trương phải đem theo một số tuần viên với đầy đủ gậy gộc, giáo mác ra đình canh gác ngay.

Xong công việc đi mời, cụ Mỗ trở về Đình. Cụ rẽ qua ngã ba chỗ người chết đêm qua. Nhưng lạ thay, nơi ấy mối đã đùn phủ cao như một cái mả. Cụ Mỗ vừa ngạc nhiên vừa hãi hùng. Cụ tưởng như nằm mơ và lo sợ chốc nữa các cụ trong làng ra khám nghiệm xác chết mà cụ vừa trình làng chẳng thấy đâu thì chắc rằng cụ sẽ mất chức mỗ. Người cụ lạnh toát khi nghĩ tới đó; nhưng còn đây thanh đao của người chết là chứng cứ để mọi người tin lời báo của cụ là thật. Quả nhiên khi các cụ chức sắc trong làng kéo đến thấy chỗ ngã ba này tự dưng có ngôi mả mới mà lại do mối đùn thì hiển nhiên đây là điềm lành cho làng Đông Thượng. Cụ Bá

Thành sai Trương Tuần đem thanh đao xuống giếng nước đình lau rửa cho sạch. Sau đó các cụ kéo nhau vào phía tả vu trong đình. Cụ Bá lên tiếng trước:

- Đây là một diềm lành. Chắc vì thần nhân đã cảm cái lòng thành hương khói suốt một năm của làng ta nên đã cho làng có Thành Hoàng.

Cụ Trạng Phét nói hùa theo:

- Lời cụ Bá nói chí lý. Kể từ hôm nay ta cứ rước vong người chết ngoài kia vào làm Thành Hoàng là làng ta có thua gì Tây Thượng. Bọn dân Tây Thượng sẽ phải cảm miệng không dám nói ra nói vào làng Đông Thượng này là làng vô thần vô chủ nữa...

Ông Lý Huy chợt nghĩ ngay tới những buổi lễ tế thần hàng năm có hội hè đình đám, rượu chè xôi thịt và cái uy quyền của ông bắt dân làng đóng góp vào công việc này. Mà đã đóng góp thì tất nhiên phải có sự thâm thụt... thâm thụt vào túi ông chứ ai nữa. Nên khi cụ Trạng vừa dứt lời, Lý Huy đã đứng ngay lên mép chiếu, giơ tay hùng hồn:

- Dạ bẩm các cụ, trên là cụ Bá tới cụ Trạng rồi... dưới là các ông trong Hội đồng kỳ mục, việc lập ngay

Thành Hoàng cho làng ta hôm nay là do trời định. Chúng ta người trần mắt thịt làm sao dám cãi ý của thần nhân. Dạ... năm nay lại là năm Tân Sửu. Mà Tân thì là mới. Sửu là trâu. Vậy là thần làng sẽ ban phát cho ta nhiều trâu nhiều bò... mà trâu bò nhiều thì cày ruộng tốt... mà cày nhiều thì ruộng giàu. Cây cày sẽ cho mùa lúa tốt... dạ thóc gạo đầy nhà...

Cụ Chánh Hội Đạt từ nãy vẫn ngồi im. Nay nghe ông Lý Huy nói dài dòng mãi. Cụ vuốt râu ngắt ngang lời ông Lý:

- Ông Lý nói đúng. Làng thì phải có Thành Hoàng. Mà có Thành Hoàng thì phải định ngày tế lễ rồi mở hội cho làng xóm vui chơi. Nay các cụ đã nhất trí thì phải lễ. Nhưng có điều... Lý trưởng Huy được lời cụ Chánh vun vào đúng ý của mình. Vội vàng tiếp lời:

- Dạ cụ Chánh dạy chí phải...

- Ông Lý để tôi nói cho hết nhé đã - cụ Chánh Hội ngắt ngang lời Lý Huy - Thờ là đúng - định ngày tế Thần là đúng - nhưng có cái khó là làm sao biết tên tuổi của Thần để mà lập bài vị... Còn ngày tế thì bây giờ là tháng hai Tân Sửu. Ngày này tháng này là mở hội dễ thôi... mà nếu có ai văn hay chữ tốt viết cho bài

văn tế thì tốt. Chẳng lẽ lúc tế thần lại...

- Cái đó thì cụ Chánh khỏi lo - cụ Bá Thành tiếp lời Chánh Hội Đạt - Ở đây đã có cụ Trọng Phét. Thi trạng cụ còn đồ đạt, xá gì một bài văn tế cón con. Rồi cụ Bá nhìn tin cậy vào cụ Trọng Phét đang lấy mỗi lửa định rít một điếu thuốc lào. Thấy đôi mắt của Chánh Đạt nhìn kèm theo nụ cười hơi đều. Trọng Phét biết là lão này đang định xỏ mình. Nhưng nhờ nói phét mà đồ Trọng thì cái chuyện văn tế văn tế đối với cụ chỉ là chuyện cón con. Trọng Phét bèn ngưng mỗi lửa, hạ chiếc điếu cây xuống giữa háng, mỉm cười nhìn lại cụ Bá:

- Chuyện đó khỏi lo. Chỉ sợ lúc xướng tế, cụ chủ tế không dám đọc thôi...

- Dạ bẩm cụ Trọng cứ dạy thế là được - Lý trưởng Huy ngay tình tâng bốc Trọng Phét. Đầu có biết trong đầu cụ Trọng đang nghĩ tới những chuyện tầm phào bậy bạ nhét vào bài văn tế tương lai. Cụ Bá Thành bỗng lên tiếng oang oang làm ngắt dòng tư tưởng của cụ Trọng.

- Này, công việc văn tế thì cụ Trọng đã nhận rồi. Song ta vẫn chưa biết Thần húy là gì, công trạng ra sao? Thần thuộc văn ban hay võ ban...

- Dạ tất nhiên thần thuộc võ ban vì bên Thần còn thanh đao để đó... Ông Trương tuân vốn nghề võ nên linh tính cơ mẫn, vội thưa lên cụ Bá.

- Anh Trương nói đúng, còn tên tuổi của Thần thì tối qua thằng mõ - đã có nói chuyện trước khi người hiền thánh - vậy anh Trương cho gọi thằng mõ lên đây xem nó thuật lại ra sao?

Trương Tuần nghe lời cụ Bá phán vội chạy ra ngoài truyền cho một tuần đình vác gậy đang đứng gác đi gọi mõ.

Cụ Mõ khúm núm bước vào, đứng so ro bên gốc cột.

- Này anh Mõ sự thể tối qua ra sao? Diện mạo Thần thế nào? Thần có nói họ tên cho anh biết không?

Cụ Bá hỏi dồn dập khiến Mõ càng luống cuống nghe câu mất câu còn khiến ông Lý Huy phải nhắc lại lời cụ Bá như hỏi cung:

- Anh Mõ có nghe rõ cụ Bá hỏi không? Này tôi nhắc lại để anh trả lời nhé:

- Thứ nhất diện mạo tức là mặt mũi Thần ra sao?

- Dạ Thần nào ạ?

- Thần là Thành Hoàng, là người đem qua anh gặp

và đang nằm dưới chiếc mả mỗi đùn ở ngoài ngõ ba ấy. Nay đã là Thần là Thành Hoàng của làng Đông Thượng ta hiểu chưa?

- Dạ, dạ ông ấy... à dạ Thần có mặt mũi rất dữ tợn. Hai bên má hình như có vết chém... dạ dạ lông mày và hàm râu rất rậm vênh lên cứng như rễ tre...

- Thế Thần có nói danh tính và quê quán không?

- Dạ bẩm ngài nói ngài là...

Cụ mõ đêm qua tai đã nghehẽng ngãng lại nghe tiếng mất tiếng còn của người hấp hối - cái gì là tướng cướp là cướp đường... nghĩ tới trình lên các cụ người chết là tướng cướp thì cụ ngần ngại. Ông Lý giục - cố nhớ lại xem danh tánh ngài là gì? Cụ Mõ đành bậm môi và cuối cùng ngập ngừng thưa:

- Dạ bẩm các cụ ngài, ngài nói ngài là "tướng... cướp đường" ạ.

Cả hội đồng kỳ mục ngồi ngậy ra. Đình làng tưởng nghe cả tiếng ruồi bay. Ai cũng nghĩ Thành Hoàng làng mình chẳng lẽ lại là một tên tướng cướp. Rất may lúc đó với sự hiểu biết sâu xa về văn hóa dân gian, cụ Trạng Phét cười to phá tan sự lo lắng của các cụ đang

ngồi như phỗng. Cụ Trọng nhân nha:

- Xin các ông yên trí, kể từ nay làng ta con cháu sẽ đi theo nghề võ của tổ tiên. Cụ tổ mấy đời của chúng ta theo gia phả là một võ tướng được vua phong thái ấp (?) dựng thành làng Đông Thượng này, thì nay ta có Thành Hoàng cũng là một vị tướng... mà tướng cướp hay tướng quân cũng vậy mà thôi. Được làm vua thua làm giặc các cụ ạ. Xưa Chu Nguyên Chương nước Tàu cũng chỉ là một tên đầu đà ăn cướp cùng bọn đàn em Từ Đạt, Thường Ngô Xuân... làm nên sự nghiệp đế vương đấy thôi... vả lại diêm trời đã ứng. Xác chết mỗi đã đùn. Đình làng ta mấy năm bỏ trống. Bọn làng Tây Thượng tuy cùng là một cụ thủy tổ sinh ra nhưng bọn nó chê bai làng ta quá lắm. Bên nó phát văn thì bên ta phát võ. Thử xem mủ nào cắn mủ nào...

Nói tới đây ông Trọng Phét rót chén trà chiêu ực một ngụm tự thưởng cho mình về tài nói như Trọng. Trong không khí vui mừng phấn khởi trở lại, bỗng cụ Chánh Hội Đạt kêu lên một tiếng như chột nhớ ra điều gì? Cụ giơ tay vỗ vỗ vào cái trán hói và ngẩng lên nhìn vào phía hậu cung rồi trầm giọng nói:

- Cụ Trọng dạy thế là đã giải tỏa được cái lo của các

cụ ở đây. Nhưng tôi thấy nó vẫn thế nào ấy. Đành rằng cướp là có đao có kiếm thuộc võ ban nên được cái truyền thống của tổ tiên làng mình, nhưng tôi vẫn sợ mồm miệng thiên hạ nó chửi Thành Hoàng mình là thằng ăn cướp...

Nghe tới đây, cụ Trạng Phét không để cho cụ Chánh Hội Đạt nói tiếp. Lấy chiếc xe điều cụ gõ cóc cóc vào thành chiếc bát đàn làm cụ Chánh Hội ngạc nhiên ngưng lời và mọi người đều dồn mắt về phía phát ra âm thanh ấy. Lúc đó cụ Trạng Phét mới cao giọng trình bày cái uyên thâm kim cổ của mình.

Các cụ ạ, chẳng có gì là xấu. Như trên tôi đã nói “được làm vua, thua làm giặc”. Cái tiếng giặc này là do kẻ thắng đặt cho kẻ thua thôi. Ta chẳng nên chấp nhất làm gì. Kia như bọn Tống Giang trong Thủy Hử không là giặc à? Thế sao người ta vẫn phục vẫn muốn đi theo. Và lại so với Thành Hoàng hay việc thờ Thần nhiều nơi khác ta vẫn có cái uy nghi của một đấng nam nhi bỏ mình vì gươm giáo... Nếu cụ Chánh Hội lo xa thì trên bài vị xin đề ngài là họ Tướng tên lót là Văn và húy là Cướp. Nam văn nữ thị mà. Còn cách tổ chức tế lễ sau này thì cứ phải đúng như công việc của ngài lúc sinh

thời. Nghĩa là cướp đêm chứ đừng tổ chức cướp ngày; nó nhằm với bọn quan lại. Cổ nhân đã có câu “Cướp đêm là giặc. Cướp ngày là quan” mà. Đừng vàng thau lẫn lộn làm mất cái uy linh của Thần làng ta.

Có tiếng vỗ tay bôm bốp của ông Lý Huy và giọng ông đầy hào hứng khâm phục:

- Dạ, quan Trạng dạy chí lý. Việc canh phòng trừ cướp đêm là công việc quen thuộc của bọn đàn em, con cháu trong làng. Nay lại đổi ra thành bọn ăn cướp để hầu lễ Thành Hoàng thì vui biết mấy nhưng quan Trạng vừa nói Thành Hoàng các nơi khác không bằng làng ta là đúng quá. Dạ bởi vì chính tôi đã được nghe kể cảnh thờ Thần lạ lùng và rất ư là dung tục. Dạ, đó là cái làng nào có xa kinh kỳ là mấy... Dạ đó là...

- À có phải cái làng thông gia với ông Lý không?

Cụ Bá Thành mỉm cười nửa miệng nói cho có hỏi. Bởi vì cái làng ấy thờ Thần có “mỹ hiệu” là bà Chúa Ngựa. Ông Lý Huy vội đáp lời cụ Bá.

- Bẩm cụ. Đúng đấy ạ. Có lần tôi được nhà thông gia mời qua chơi. Ông bố chồng của con gái tôi cứ ân cần mời tôi ở lại đến hôm sau dự lễ cúng Thần của làng

ông. Tôi cũng chỉ vui câu chuyện hỏi ông thông gia về sự tích Thần làng đó ra sao. Tôi thấy ông thông gia nhìn trước nhìn sau hình như sợ phạm tội với Thần nhân. Xong ông thì thào kể: “Làng tôi nhỏ không có xây dựng đình thờ phúc thần hay Thành Hoàng như các làng khác. Và lại khi có làng thì đã có miếu thờ Bà Chúa Ngựa rồi (1). Sở dĩ Thần có tên như thế vì lúc sinh tiền thần có tính cực dâm, không một ông đàn ông nào kể cả bọn trai tráng chịu xuể để thỏa mãn thần. Chắc Thần là Thần nữ của Võ Hậu bên Trung Quốc lưu lạc qua tới ngụ ở làng tôi. Nói thật với ông: Trai tráng trong làng anh nào anh nấy cứ xanh xao vàng vọt rồi chết từ từ. Quan sở tại thấy vậy bèn cho đan một con ngựa bằng tre đục rất cứng rồi nhốt bà vào trong quãng xuống sông để bà thông dâm cùng ngựa. Bà bị chết chìm nhưng chắc gặp phải giờ linh nên biến thành Thần. Dân làng cầu nguyện xin gì được nấy, bèn dựng miếu thờ Bà. Hàng năm đến ngày hội, ban tế tự cho đẽo các lõi mít thành hình dương vật rồi đắp xôi, đắp chè đặt bên ngoài. Khi lễ tất, các con công đệ tử của thần đều được phát lộc. Tất yếu lõi nuốt rất cứng người ta chỉ có thể dùng tay hay dùng lưỡi để hưởng lộc mà thôi”. Tôi nghe thấy thế, không dám ở lại dự bèn kiếu ông thông gia để về... Mọi người nghe ông Lý kể đến chỗ

hương lộc của thần thấy khiếp quá đều cúi xuống, mạnh ai cầm chiếc ấm trà lên rót vào ly của mình rồi nốc đến ực một cái như muốn xem cái lưỡi của mình có dính dấp gì không.

Vừa lúc đó cụ Trạng Phét lại lên tiếng:

- Ấy, ông Lý Huy vừa mới kể cho các cụ nghe việc thờ tự dân Thần của cái làng “thổ tả” ấy. Chứ suốt từ dải Kinh Bắc đến Trấn Sơn Nam Hạ rồi vòng xuống làng ta có nhiều nơi so với Thành Hoàng tương lai làng mình còn thua xa...

Cụ Chánh Hội vội vàng “bốc”:

- Ấy, “quan Trạng” là người thông kim đạt cổ xin dạy cho biết các nơi ấy họ thờ cúng ra sao.

- Vâng như các cụ đã biết phong thủy mỗi nơi một khác. Tục lệ nơi này lại khác nơi kia. Do đó việc làng ta có thờ thần tướng cướp làm Thành Hoàng còn danh giá gấp bội các làng thờ Thành Hoàng gấp phen, Thành Hoàng ăn xin rồi lại có nơi thờ cái cửa khỉ của đàn ông đàn bà gọi cho văn hóa là thờ “sinh thực khí” đấy các cụ ạ.

Mấy anh tuần đình đang đứng gác - người đứng kể

ngồi - gậy gộc vất lỏng chỏng chợt nghe thấy đủ các giọng cười của các cụ. Nào ha ha, nào ùng ục, nào hì hì... nói chung là âm thanh các tiếng cười cũng đầy dung tục. Những bậc mà xưa nay họ đều “kính nhi viễn chi” cả, thế là họ đều quay mặt vào và lặng lẽ theo dõi cuộc họp bàn của các cụ.

Khi chuỗi cười vừa dứt. Cụ Bá Thành nhìn cụ Trọng Phét hỏi:

- Đành rằng họ thờ Thành Hoàng của họ là như thế. Song đồ hiến tế dâng lên khi làng mở hội thì lấy... lấy cứt để cúng à?

Cụ Trọng Phét cười, mép vạch tới mang tai:

- Không, không phải là cứt bằng... cứt. Các đồ lễ thần được ban tế tự cho lấy chuỗi chín và nấu các loại chè xong cho màu “hóa chất” vào giống hệt các màu mà tùy cái thực phẩm vào bụng con người tống ra. Sau đó lấy ống hóp, ống tre tọng đồ cúng vào rồi ấn ra. Họ sẽ để đồ cúng này trên đôi quang có lót lá chuối hay lá khoai môn tươi có bề mặt lớn. Khi đồ cúng đã bày xong những người trong ban tế tự sẽ gánh gánh phân đó lên vai. Hai tay mỗi người lại cầm hai thanh xương sườn trâu vừa gõ vừa hát theo nhịp trống cùng thanh la nào

bạt cử lên. Sau khi tế lễ xong, dân làng sẽ lần lượt vào lễ rồi ra mở hội vui chơi. Còn các cụ chức sắc thì đã được thăng mỗ trải chiếu cạp điều bên hữu vu của Đình làng. Trên mâm bày biện các cụ phân đủ màu thơm tho cùng ấm trà tàu. Các cụ kẻ trước người sau tuần tự ngồi vào vừa bốc phân xôi vừa bàn chuyện việc làng, việc nước.

Bổng cụ Chánh Hội quơ vạt áo the, bịt vôi lên miệng. Cụ chạy ra cửa Đình nôn thốc nôn tháo, chẳng ai biết lý do làm sao cả.

- Dạ thưa quan Trạng thế còn cúng tế Thành Hoàng ăn mày thì thế nào ạ? Ông Trương Tuần ngồi tuốt gần cửa ra vào vôi hỏi cụ Trạng Phét. Bên tay trái cụ Trạng là Lý Trưởng Huy đã cầm ly nước trà tự bao giờ, kính cẩn đưa sang quan Trạng.

- Dạ mời quan Trạng chiêu một ngụm cho đỡ khát để kể tiếp cho các cụ ở đây thấy được bản sắc văn hóa dân tộc ạ. Những cảnh tế lễ này mà đem ra biểu diễn nước ngoài thì bọn nó phải “lậy cả nón” các cụ ạ.

- Chưa, chưa sinh động bằng cuộc tế lễ ở một làng thuộc vùng Trấn Kinh Bắc ta. Họ tổ chức lễ Thành Hoàng ở làng họ mà các vùng lân cận, có khi cả người chốn

Kinh Kỳ cũng về dự. Lễ xong tới phần hội kéo dài tới mấy ngày. Bây giờ, tôi xin kể trước về Thành Hoàng ở vùng Thanh. Nơi này có một làng thờ Thành Hoàng ăn Mày. Chắc xưa ngài cũng là hiện tượng mỗi vùi lúc mất, nên dân làng họ đã rước thờ làm Thành Hoàng. Nhưng uy linh của ngài phù hộ cho dân làng lại có chỗ là sau ngày tế lễ một nửa dân của làng phải ly tổ, nghĩa là họ phải đi tứ xứ vắc bị vắc gậy làm người ăn xin - đến cuối năm đám người này về dự lễ ngày húy kỵ của thần thì sau đó lại đến nửa số nóc gia kia lên đường...

- Dạ, đó là lẽ... nhưng thưa cụ Trọng vấn đề là khi họ tổ chức tế Thần ra sao ạ?

Chánh Hội sốt ruột vì trời đã sang trưa. Bụng cụ đã thấy kiến bò nên cụ muốn công việc này nọ hãy để đến chiều, đến mai. Vả lại theo thông lệ cứ sau bữa cơm trưa là cụ phải vào phòng bà ba để “ngồi” - nay cứ bàn cứ kể con cà con kê thế này cụ sốt ruột một, bà ba của cụ sốt ruột mười. Cụ biết độ này bà đang vào tuổi hồi xuân... nên nhân lúc ông Trọng Phét ngừng kể, chiêu ngậm nước lấy giọng, cụ Chánh Hội bèn quay ra hỏi Lý Huy:

- Nay ông Lý, xem ra đã sắp trưa...

Lý Huy là người rất thông minh hiểu ra ý của cụ Chánh Hội muốn về ăn trưa, ngủ với vợ bé, nên không để cụ Chánh Hội nói hết câu, đã đỡ lời.

- Bẩm các cụ. Việc tôn Thần, hôm nay là việc quan trọng của làng ta. Vậy xin các cụ rón ngồi lại bàn cho xong. Ta sẽ cơm rượu tại chỗ... Rồi quay ra Lý Huy gọi:

- Ông Trương đâu, ra bảo thằng Mỗ chạy qua chợ xem chợ búa còn gì không? Đến chỗ bà Lý nhà tôi lấy vài cân thịt rồi rau rồi củ và bảo con mẹ Việt cho hai chai rượu làng Vân ấy... Bảo bọn tuần đình xuống làm hai mâm rượu các cụ xơi trưa nay để còn bàn tiếp việc làng...

Ông Trương Tuần Khánh nghe ông Lý Huy nói tới đâu dạ tới đó rồi vội đi ra. Nhưng vừa ra tới ngưỡng cửa đình, ông lại quay vào, ngật ngừng nhìn Lý Huy hạ giọng:

- Dạ bẩm cụ Lý xuất tiền chợ.

- Anh cứ nói với bà Lý nhà tôi ứng trước. Rồi bảo thằng Mỗ theo bà ấy đi, và mua tất cả mọi thứ... Kể cả rượu nhà con mẹ Việt rồi... rồi cứ thế xách về mà làm và bảo với bà ấy có thể đến đêm tôi mới về được. Lý Huy biết rõ tính vợ mình. Cái gì chứ mua đồ cho việc làng việc nước thì bà ấy tính... rất hay. Nghĩa là mua một tính mười... tiền của đóng góp thuế má của người

dân mà chữ của mồ hôi nước mắt nhà mình đâu mà tiếc. Nên lần nào ông cũng ký “cái rẹt” rồi đưa cho thủ quỹ xuất, làm quan từ xưa tới nay có nhà cao cửa rộng vợ đẹp con khôn là nhờ vào bổng lộc là cái “chỗ” này đây. Nhất là tới nay, có cái cơ ngơi hợp việc làng việc nước... lúc về ông tha hồ hú hí cùng con mẹ Vấn - cái con mẹ mới góa chồng có hơn tháng mà lần nào nó cũng đòi ông “vật” đến mấy keo. Nghĩ tới đây ông mỉm cười nhìn cụ Chánh Hội.

... Trời hôm nay đã lập đông. Cánh đồng trước sân đình mang gió hiu hiu lạnh từ bờ sông thổi vào. Bóng nắng mỏng như lụa bạch e dè bám xuống mái đình làng Đông Thượng. Cụ Bá thò tay vào cặp quần trúc bầu màu cháo lòng ngoài phủ chiếc áo lam. Không biết đó có phải là cơn gió thu cuối mùa làm tuổi già sớm lạnh hay vì điều gì... - cụ cũng mỉm cười vu vơ nhưng đầy sáng khoái, quay bảo ông Trọng Phét:

- Ông Lý tính thế là tươm tất - ta phải họp cho xong vụ quan trọng này... Trong khi chờ đợi cơm nước xin mời ông Trọng cho biết cái phần tế lễ Thành Hoàng vùng Thanh ta ra sao?

- À, các ông đã được nghe hát xẩm hát xiếc rồi chứ gì?

Trương tuần Khánh chợt nhớ ra mấy ngày trước đã chỉ huy đám tuần đình dẹp đám dân nghèo buôn bán lề đường. Ông đã chứng kiến cảnh vợ chồng anh mù ngồi bên mép lối ra vào chợ, trước mắt là cái thau móp hoen rỉ. Chồng kéo đàn nhị, vợ gõ phách hát nỉ non. Sau mỗi bài hát, người vợ lại buông câu “lậy ông đi qua, lậy bà đi lại. Chúng con mù lòa đói khát. Xin ông bà bố thí cho đồng kẽm, đồng trinh... dù xây chín cửa phù đồ... không bằng làm phúc cứu cho một người...”.

Nay thấy cụ Trạng Phét bất ngờ hỏi về hát xẩm, ông Trương vội vàng nói:

- Dạ thưa cụ Trạng, đó có phải là bọn ăn mày ngồi hát để xin ăn không ạ?

- À, đúng đấy ông Trạng. Ăn mày, ăn xin thì có nhiều nghệ thuật lắm - như đeo bám khách đi đường hoặc đứng lỳ ra ngay trước mặt khách đang ăn. Rồi cứ thế nhè nhằng mỗi câu: “Xin ông hay xin bà hay xin anh hoặc xin chị - tùy đối tượng - mà năn nỉ ỷ ôi làm ơn... làm phúc... cho con...”. Khách khó chịu đành phải móc tiền ra. Lại còn nghệ thuật bưng chân đổ phẩm màu

cho đồ lòn rồi bôi mỡ heo mỡ chó cho ruồi bu - giả chống nạng khập khễnh đi xin - Hoặc có dịch vụ cho thuê con nít vài tháng hoặc một năm tuổi, bôi mặt lem lốc - cứ tới chỗ khách để xin thì cầu mạnh một cái. Đứa nhỏ khóc lên... Ai chẳng động lòng mà cho... Vậy thưa cụ Bá đấy là tất cả hình ảnh mà ban tế tự trong ngày húy Thành Hoàng ăn mày phải hóa trang rồi biểu diễn đi đi lại lại nhảy múa theo nhịp điệu hát xẩm. Đây là bài hát cơ bản hòa vào tiếng đàn cò, tiếng phách tre tiếng chũm chọe để ngày lễ có "khí thế" - còn đồ cúng dâng lên Thần thì đủ thứ không nhất thiết là cứ phải heo bò như các nơi. Vì ăn mày thì như mấy cụ đã rõ xin gì ăn đó mà... nhưng thưa các cụ các ông, tuy Thành Hoàng xứ Thanh ta có ca hát vui vẻ trong ngày lễ vẫn chưa bằng ngày lễ Thành Hoàng vùng làng Tứ xã thuộc xứ Kinh Bắc tưng bừng náo nhiệt gấp nghìn lần ngày lễ xứ Thanh ấy các cụ ạ.

Nghe Trạng Phét nói. Các cụ như quên cả đói mặc dù mùi xào nấu từ bếp nhà Mỗ bay lên tỏa như sương mai vào ngay phía tả vu - chỗ các cụ đang họp.

Cụ Trạng nuốt nước miếng nói:

- Mà các cụ ạ, kể cũng lạ. Cái làng này Thành Hoàng

không thờ nguyên người mà chỉ thờ hai bộ phận sinh dục của đàn ông và đàn bà thôi...

Nghe tới đây, từ mấy anh tuần đình bên ngoài gác cửa, đến các cụ “quyền cao chức trọng” làng Đông Thượng đều há hốc miệng ra chờ cụ Trọng Phét nói tiếp:

- Ấy... ấy thế mới lạ. Sau này có mấy ông thuộc lớp người nghiên cứu văn hóa, văn học của ta. Tiếng Tàu, tiếng Tây nửa mùa - gọi là thờ sinh thực khí cho văn vẻ - rồi lại còn gọi là “phôn cờ no cờ niếc” gì đó. Tôi chẳng hiểu cái gì cả. Chỉ biết là ngày hội đình làng ấy, các quan chủ tế, xướng tế phải tắm gội sạch sẽ, kiêng gần đàn bà mấy ngày... ấy... ấy cũng giống như vua trước ngày tế đàn Nam Giao ấy. Giờ chính lễ thường khởi tế vào buổi tối. Hai cụ chức sắc cao cấp, khăn áo chỉnh tề đi vào hậu cung theo sau là hai hàng phụ lễ, trên tay mỗi người cầm một chân đèn thấp đỏ ngọn. Sau nghi lễ khấu đầu vái ba vái, hai cụ tiến lên bệ thờ, mỗi người bê một chiếc hộp sơn màu then trên phủ tấm vải đỏ đi ra giữa hai hàng đèn nến. Tối trước hương án thờ Thần - nhã nhạc đàn sáo cử vang lừng. Một cụ bên trái cụ chủ lễ mở nắp hộp lấy ra cái sinh thực khí nam

to bằng cái dùi trống cái trao cho anh con trai đội khăn xếp, áo lam đỏ, thắt ngang bụng một giải lụa vàng. Cụ đứng bên phải chủ lễ cũng cùng lúc mở nắp hộp lấy ra cái sinh thực khí nữ to bằng cái mõ trao cho người nữ đầu quần khăn voan, yếm hồng cách điệu áo tứ thân nhuộm đủ sắc xuân... Khi nam, nữ hai người đã cầm trên tay hai “linh vật” đó rồi thì dàn nhạc bát âm và trống thúc liên hồi. Cụ chủ tế hô: “Cái nậy làm sao thì cái sạo làm nậy”. Dứt câu hô người nam tiến lên dúi cái của mình vào cái người nữ đã cầm sẵn ưỡn ra. Cứ thế, động tác của hai người càng nhanh càng dồn dập theo âm thanh ma quái của dàn nhạc. Chẳng còn ai nghe thấy lời xướng của cụ chủ tế nữa. Nghe đâu, sau này kể từ đời Trần, nước ta bắt được tên Lý Nguyên Cát là người dạy đám con hát mà quân Nguyên sang đánh nước ta đem theo để mua vui cho đám tướng sĩ xâm lược. Nhà Trần đã dùng hấn để phát triển và làm giàu thêm cho việc múa hát của nước mình. Có lần được đến tham dự buổi tế này. Lý Nguyên Cát đã biến tấu ra một màn múa để tặng dân làng Tứ xá. Điệu múa ấy được chia ra làm hai đội. Đội bên nam mặc y phục Văn lang đóng khố cởi trần, đầu chít khăn cài lông chim. Trên tay mỗi người đều cầm hình tượng truyền giống song

được cách điệu dài hơn cái dùi trống và sơn màu đồng đen. Còn đội nữ mặc váy, đầu cũng chít khăn gắn lông chim. Hình tượng “nuôi giống” vẫn to như cũ nhưng có dây đeo không phải bê trên tay như cũ. Cho nên đôi tay có thể múa uyển chuyển phù hợp với động tác múa theo tiếng đàn tiếng sáo bát âm. Âm điệu của bản nhạc cũng có đôi chỗ biến tấu với tư thế múa giao hoan uyển chuyển và nhẹ nhàng hơn bài nhạc cũ có tiết tấu dồn dập, đậm dật... Ấy nghe đâu cứ mỗi lần làng này mở hội là Đức Thánh Khổng được thờ ở Văn Chỉ kế bên lại phải xuất hồn đi chơi; lang thang thăm các học trò của ngài như Mạnh Tử, Tử Trương, Tử Tư, Nhan Hồi v.v... Chờ ngày hội làng xong mới trở về. Mặc dù người cũng là ông tổ đã sưu tầm, biên soạn những câu hát phong tình tới 305 thiên. Tuy có lời nói đầu là người đọc kinh thi không được nghĩ tới điều sằng bậy dâm tà... thế thì chỉ có bực thánh như ngài mới đọc được. Nói tới đây cụ Trạng khoái chí cười khà khà. Rồi lại tiếp: Bẩm các cụ tôi chỉ xin đọc vài câu trong kinh thi thôi xem lòng các cụ có xôn xao như thuở mười tám đôi mươi không nhé: Chẳng hạn bài “Quan quan thư cưu” có những câu như:

Quan quan thư cưu, tại hà tri châu

Yếu điệu thực nữ quân tử hảo cầu

Vân vân và vân vân và dài lắm, tôi chỉ xin đọc vài câu của một tu sĩ đáng kính đã dịch ra tiếng nước mình là:

Nhớ cô dăng dặc cơn sầu

Cho ta dăng dặc để hầu ngủ yên

Thế mà khi nhìn thấy cái cảnh “chùm chọe” của điệu múa phong tình thì đức Khổng Tử lại bỏ đi, chê là dâm dật. So lời hát phong tình trong Kinh Thi và sự thực hành cụ thể này thì nào có khác gì nhau. Chắc cụ cho rằng cái của cụ là nền văn hóa phi vật thể nên chê cái “văn hóa vật thể” của ta. Thật ra cái văn chương đọc nó mới là liều thuốc độc. Bởi nó kích thích trí tưởng tượng tò mò và khi gặp môi trường để thực hiện cái dồn nén, ứ hự trong đầu thì nó bùng phát mạnh mẽ đến thế nào. Phải không các cụ.

Cũng phải công nhận rằng lời ông Trạng Phét nói là đúng. Vì khi người dân làng Tứ Xá đem nhang cắm nơi Văn chỉ lúc hội làng thì nhang cứ tắt. Họ cho rằng ngài đã vân du chưa về. Điều đó chỉ có cỏ cây hoa lá mây trời biết. Thì đúng là Đức Khổng sau khi đến các đệ tử rồi bèn ghé vào thăm Lão Tử. Lão Tử vẫn dáng tiên phong đạo cốt như xưa, mời Khổng Tử ngồi bên chiếc bàn đá uống trà sương. Sau khi thăm hỏi xã giao, Lão

Tử nói thẳng với Khổng Tử rằng: cái nước Việt là nước có nghìn năm Văn hiến, nên ngài vẫn được thờ cúng tôn trọng. Kìa như mảnh đất đẹp nhất chốn Kinh Kỳ của người ta, người ta đã xây văn miếu thờ ngài và những người đã theo chí hướng của ngài. Chứ nếu ngài còn ở đất nước mình thì qua cái phong trào “Phê nhô đả Khổng” ngài cũng chẳng còn một chỗ dung thân. Lại như sau này có cái phong trào cách mạng văn hóa nữa trên đất nước mình, ông Thích Ca cũng trăm cay nghìn đắng trước bọn Hồng vệ binh. Thậm chí ngôi chùa Đại Từ Ân là ngôi cổ tự đẹp nhất Thành Tây An đã được xưng tụng là Trường An đệ nhất tự - xưa kia từ Thiên tử, công hầu đến phật tử các nơi đều đến đây lễ Phật. Hương khói quyện cả bầu trời chùa Đại Từ Ân sáng chiều chuông mõ vọng cả vào Thành Trường An, thế mà chỉ qua một đêm đã tiêu điều hoang vắng, có khác gì một cánh đồng lúa đang xanh chỉ một thoáng đám cào cào bay qua đã thành tro bụi. Phật về đâu? Chuyện đó chẳng nói làm gì. Việc gây ra thế đã xong, nhưng tìm nguyên nhân sâu xa nhất lại chính là ông. Ai bảo ông phân Vương Đạo với Bá đạo làm gì. Thăng bá đạo nào chẳng cho mình là vương đạo nên gây ra bao cảnh máu đổ đầu rơi. Nào Xuân thu chiến quốc, nào Lục quốc,

Tam quốc phân tranh, đủ thành phần giai cấp. Cho nên có cái ông ở xứ Tây dương nào đó đã nói một câu chí lý: “chỗ nào có bóc lột là chỗ đó có đấu tranh”; đánh nhau chí chóc.

Lão Tử thuyết một hồi, cụ Khổng Tử định đem thuyết hình nhi thượng ra bàn. Nhưng Lão tử xin kiếu vì đã tới giờ vào động luyện đan...

Mọi người nghe cụ Trạng Phét nói chuyện hư hư thực thực như truyện Phong Thần. Ai nấy đều bàn làng ta chỉ thờ Thành Hoàng không xây miếu thờ Khổng Tử làm gì cho rắc rối sau này.

Ông Trạng Phét vừa dứt câu, cũng vừa lúc hai anh tuấn đình khệ nệ bưng vào hai mâm cỗ. Lúc ấy bóng nắng cũng đã tròn xoe trên sân đình đầy rêu phủ lỗ chỗ mặt gạch bát tràng. Qua hai tuần rượu, nét mặt cụ nào cũng có vẻ hả hê sung sướng. Làm sao các cụ không vui cho được. Điều thứ nhất là kể từ nay Đông Thượng đã có Thành Hoàng, một Thành Hoàng thuộc võ ban dù chỉ là một ông tướng cướp. Điều thứ hai là ai cũng được mở rộng tầm mắt để từ đó xây dựng nghi lễ cho việc tổ chức ngày hội của làng năm tới. Nói chung ai cũng có một suy nghĩ

như thế; nhưng suy ra còn khối chuyện để bàn. Chính cụ Bá Thành là người khởi xướng đầu tiên sau khi cơm rượu đã xong. Cụ cầm chiếc tăm tre quẹt qua quẹt lại hàm răng cái mất cái còn rồi quăng ra giữa chiếu, cất lời:

- Các ông đã nghe cụ Trạng kể tục lệ tế thần các nơi. Thế là ta “gạn đục khơi trong” được rồi. Mấy việc quan trọng như viết tiểu sử của thần, lập văn tế thần thì cụ Trạng đã nhận rồi. Việc viết bài vị thì lại không ai văn hay chữ tốt bằng cụ Trạng. Vậy lại phải nhờ cụ giúp cho còn công việc phác họa chân dung của Thần cũng cần phải có để mỗi kỳ tế lễ, dân chúng được chiêm ngưỡng dung mạo của ngài...

Khi nghe cụ Bá Thành nói đến vẽ chân dung thì cụ Bát từ sáng giờ vẫn ngồi im nghe không có ý gì chợt nhớ ra anh Phó vẽ, con rể của cụ Chánh Hội. Gớm người đâu mà có đôi tay tài hoa chẳng khác gì Mao Diên Thọ vẽ Chiêu Quân đời Hán. Anh đã vẽ cho cụ một bức hình để lúc trăm tuổi, con cháu đưa lên bàn thờ sao mà sinh động thế. Cụ Bát bèn bảo:

- Vẽ chân dung của Thần à? Phi tay anh Phó vẽ con rể ông Chánh Hội thì còn ai vẽ đẹp ở đây nữa.

Người đời vào thời buổi ấy ai cũng thuộc nằm lòng câu “Thứ nhất kinh kỳ thứ nhì phố Hiến”. Cảnh phố phường nhộn nhịp xe song mã, tứ mã dập dìu hương phấn tỏa bay của các tiểu thư con nhà vương giả hay khanh tướng công hầu còn được điểm tô thêm những dòng người đi lại hai bên hè phố mua bán tấp nập. Những con phố ấy chỉ được thanh thoi yên nghỉ khi tiếng trống thu không phía Bắc Thành vang vọng bay vào. Sau hồi trống thu không ấy là ngọn đại kỳ được kéo xuống và một chiếc đèn bão lớn được từ từ kéo lên. Người Kinh Kỳ nghe tiếng trống, nhìn ánh đèn biết rằng việc đi lại trong ngày đã dứt. Cái thời xa xôi cách nay hàng mấy trăm năm ấy không có chuyện chơi đêm, ăn đêm làm đủ thứ chuyện... như bây giờ. Đất Kinh Kỳ ngày thường đã là như thế sang đến dịp hội hè Tết nhất thì cảnh sắc “ngựa xe như nước, áo quần như nêm” (Nguyễn Du) quả là chuyện rất thường. Bởi Đông Thượng là làng gần đất kinh kỳ nên mùa xuân nào đám trai gái của làng cũng rủ nhau đàn đàn lũ lũ du xuân. Các cô gái hoặc xuân mới chớm hoặc nhựa hồng sắp cạn đôi môi, thường từng tốp họp nhau nhóm ba nhóm bảy rong chơi. Cô nào cô nấy đều khăn lụa áo tứ thân, yếm xanh hồng... đủ màu... Quần lãnh quần gang lưng chiếc

ruột tượng màu hoa thiên lý. Đôi cô giàu có trong làng như con cụ Chánh Hội, con cụ Trạng Phét còn điếm xuyết dây xà tích bạc óng ánh làm duyên.

Hình như có một mùa xuân rất đẹp - đẹp hơn cả mùa xuân thời mở nước. Cô Duyên con gái cụ Chánh lúc đó suýt soát bốn mươi - Bốn mươi ở cái làng Đông Thượng này coi như đã hết duyên, được xếp vào loại gái già quá lứa. Chẳng phải vì cô xấu cũng chẳng phải vì cô là con nhà gia thế như cụ Chánh Hội mà chẳng có chồng. Thực tế là người cô thường toát ra một mùi - một mùi mà hình như thơm quá hóa hôi như mùi hoa sữa trồng đầy ở đất kinh kỳ. Cái mùi "hôi rác" ấy mấy trăm năm sau một số ông văn nghệ sĩ cứ tưởng là thơm đem choang vào tác phẩm của mình cho ra điều văn vẻ ta đây là người kẻ chợ. Ấy cô Duyên cũng vì có cái đặc điếm phát tiết ra từ hai nách mà đâm vào kẻ ế chồng. Song duyên số không phải do nhân định mà do trời định. Đây là mùa xuân - mùa xuân trong đời cô đẹp quá. Hôm ấy cô cùng hai bạn du xuân chốn kinh kỳ - chị em lần ra *Hồ Tây* dự xem bơi chải. Khi nhìn thấy các vận động viên xếp hàng chuẩn bị dự cuộc thi - cởi trần chỉ có mỗi cái khố, cơ bắp chân tay nổi lên cuồn cuộn thì cô nào mặt cũng ửng hồng. Tay người nọ tự dưng

nắm chặt tay người kia như truyền cho nhau một cảm giác hưng phấn mơ hồ... Kết thúc cuộc xem bơi ngựa. Họ kéo nhau về cái *vườn trồng trăm cây Bách Thảo*. Tại đây một họa sĩ truyền thần đang bày giá vẽ mơ màng đứng nhìn cảnh xuân tươi như... một thi sĩ. Bỗng bốn mắt nhìn nhau. Chàng họa sĩ lễ đường và cô Duyên đều như bị điện giật. Thế là chỉ chưa đầy nửa tháng - nửa tháng mùa xuân trời đất ngọt ngào, hai người đã nên vợ nên chồng. Anh họa sĩ về ở rể nhà cụ Chánh Hội. Cũng từ đấy anh được mọi người gọi một cách trân trọng là anh Phó vẽ. Kiếp nghệ sĩ lang thang bữa đói bữa no kể từ đây chấm dứt. Thế mà từ ngàn xưa cho đến nay lại là hình ảnh lãng mạn của bao cô gái nhà giàu. Họ no đủ quá nên thấy cái bơ phờ do đói rách của các ông văn nghệ sĩ làm hình tượng bù cho cái đói tinh thần tưởng tượng của họ. Lại cũng nghe đâu mấy trăm năm sau có đây các ông nghệ sĩ đã phải gán tranh để mua một ly cà phê, vài điếu thuốc - thậm chí cả một tô phở "không người lái" nữa. Đó là truyện đời sau, còn bây giờ anh họa sĩ mà đời rách như tổ đĩa đã có nơi ăn chốn ở. Anh đam nghiện cái mùi "thơm quá"... của chị vợ. Không có nó, giấc ngủ của anh cứ bị đứt quãng hoài khi Duyên ban ngày uống nước quá nhiều. Song ở làng Đông

Thượng, tay nghề vẽ truyền thần của anh như bị lụt dân. Bởi chỉ lâu lâu những nhà giàu có, mới mời anh tới vẽ. Họ mời vẽ cho ông bố bà mẹ sắp tới tuổi trời kêu để sau này đưa lên bàn thờ. Cho nên anh chỉ còn biết vẽ con gà con què, con giun con dế để vợ xếp vào bị đem lên bán ở các phiên chợ Huyện. Đã nhiều lần anh bàn với vợ ra chốn kinh kỳ thuê phòng vẽ làm ăn; nhưng đều bị cụ Chánh Hội gạt đi với lý do không có vốn. Anh là họa sĩ có thực tài được ông thầy Tàu truyền nghề có bài bản chứ đâu phải như mấy anh họ Trịnh. Một người thì chỉ ờ í mấy bài nhạc “úp mở” và anh kia ngay từ lúc học vẽ, thầy bảo đo thước thợ thì lại vẽ cong như cánh cung. Thế mà họ vẫn vinh thân phì gia. Chẳng qua là thời thế cả. Nhiều đêm, vợ sang họ ngoại chơi, anh không ngủ được - mặc áo ra sân, đứng nhìn vầng trăng cao vời vợi, phần chí ngâm câu thơ của cụ Tăng Tổ ông thầy họ Vũ dạy anh: “Lũ chúng ta đầu thai lầm thế kỷ...” (thơ hình như của V.H.C).

Cho nên khi vừa nghe anh tuần đình vào bảo mang giá vẽ ra đình để vẽ vời gì đó. Anh vội đi theo.

Vừa thấy anh ở cửa, cụ Bá Thành đã cao giọng:

- À anh Phó vẽ đã tới. Anh mang “giấy bút” xuống

ngay nhà Mỗ để biết hình dáng Thần làng ta ra sao mà vẽ cho chính xác nhé.

Anh Phó vẽ ngơ ngác nhìn cụ Bá thưa:

- Dạ Thần nào? Bẩm cụ ở đâu ạ?

Cụ Chánh Hội vội bước ra, kéo anh đi về phía hông Đình và thì thầm kể cho anh nghe mọi việc xảy ra cho làng từ đêm qua tới giờ và bây giờ là công việc làng giao cho anh. Nói xong cụ Chánh Hội lại vội vàng trở vào Đình.

Sau khi nghe nhà Mỗ miêu tả tiếng mất tiếng còn và xác định với anh đó là mặt mà ông ta xưng là tướng cướp. Phó vẽ trở lại cửa Đình, chấp tay thưa vọng vào:

- Bẩm các cụ, nội ngày mai là làng ta sẽ có chân dung Thành Hoàng ạ.

Mọi người trên chiếu hạp xoa tay, cười vui vẻ.

Phó vẽ trở về nhà, căng giấy lên giá vẽ rồi cầm viết chì than đi đi lại lại lẩm bẩm: mặt tướng cướp à? Xẹo ngang dọc à? Lông mày à? râu à?

Như một phút xuất thần, anh Phó phác họa ngay khuôn mặt Thần gian manh như Tào Tháo nhưng quệt qua quệt lại vài cái sẹo dữ dội. Rồi thêm hàm râu rậm

cứng như rễ tre của Trương Phi vãnh lên. Cuối cùng cho tay Thần cầm thanh long đao như của Quan vân Trường. Y phục thì anh Phó cho khoác võ phục như mấy ông tướng Quảng Lạc. Phác họa xong, anh phó vẽ xoa tay mỉm cười tự nhủ: cái làng này mai sau sẽ để ra toàn bọn ăn cướp cả thôi!

Kể từ mùa đông năm Tân Sửu - một chiếc miếu nhỏ đã được xây bao quanh ngôi mả tướng cướp. Đá ong gắn cùng vôi trộn mật mía tốt hơn cả trong quan ngoài quách liệm xác chết nhà giàu có. Phía đầu mộ là một tảng đá ghi bài vị của Thần do cụ Trạng Phét viết. Phía trong là một bệ xây cao ngang tầm vai người lớn. Trên bày một bát nhang và hai bên là hai giá đèn cầy bằng gỗ mít. Tường gạch xây vây ba mặt chỉ chừa phía cửa đi vào làm hình vòm với hai cánh gỗ sơn màu đỏ nhạt. Miếu chỉ có một mái lợp ngói âm dương lao về phía trước. Ngoài ra không có tường lớp vây khoảng sân trống như Văn chỉ thờ Đức Khổng Tử của làng Tây Thượng. Tuy thế trước cửa miếu cũng được trồng một hàng ruối dại. Sau này mọc um tùm xòa ra cửa miếu tạo nên vẻ âm u huyền bí. Đó là nơi giữ cái xác phàm của Người. Còn cái vong của Thần thì đã ngồi trịnh

trọng trên bức vẽ luôn luôn được phủ mảnh nhiễu điều ở hậu cung đình làng. Thế là làng Đông Thượng đã có Thành Hoàng.

Năm sau, tức năm Nhâm Dần 1746 - đời Cảnh Hưng, công việc mở hội làng tế Thành Hoàng đã được khởi xướng. Nhờ việc nghiên cứu dòng văn học dân gian sâu rộng qua việc “nghe nhiều hơn đọc sách”; cụ Trạng Phét đã thành lập được ban tế tự. Còn sáng chế ra y phục cho ban này là nhờ vào óc tư duy trừu tượng của ông Phó vẽ. Riêng việc luyện tập về cảnh tuần đình và bọn ăn cướp đánh nhau theo như lúc sinh thời của Thần thì được giao cho ông Trương Tuần huấn luyện. Tuần đình vẽ mặt trắng, chít khăn xanh, còn bọn ăn cướp thì được hóa trang bôi mặt nhò nôi chít khăn đen. Vũ khí thì cả hai bên có gì dùng nấy. Còn ban nhạc thì giao cho cụ Lý Huy lên đất kinh kỳ thuê ban hát phường bát âm ở Khâm Thiên. Bởi ban nhạc này có đủ các màn *ca vũ nhạc kịch* sẽ làm cho ngày hội tưng bừng náo nhiệt...

Một tối tháng hai, trời lạnh sớm. Tiếng mõ cốc cốc đã vang lên ở đầu làng và một giọng khàn đục của một người già đang chở rét trên môi: “Chiềng làng nước... chánh lý kỳ mục của làng ta sức truyền các nhà năm

nay phải sửa lễ cúng Thần đúng giờ Dậu tháng này... năm này chuẩn bị sẵn sàng... cũng như dân làng tấp tật... ra tham dự buổi lễ cầu cho nước mạnh dân an... nhà nhà phú quý... ơ... ơ... Cốc cốc cốc”.

Âm thanh tiếng rao mở hội làng lần đầu tiên cũng là tiếng rao của cụ Mỗ làng Đông Thượng đời thứ nhất. Còn đời thứ tám nhà mỗ bị tuyệt tự, lý do đã nói rồi. Nay không nói nữa.

Làng Đông Thượng mở hội tế Thành Hoàng đúng như ngày cụ Mỗ đã rao. Trời chiều, khí xuân đầu tháng ba lạnh hơn tháng trước. Phe tuần đình đóng vai ăn cướp mới có đầu giờ thân đã tụ tập giáo mác gậy gộc dây thừng ở sân đình. Lý Huy đóng vai tướng cướp và bọn đàn em bắt đầu bôi mặt, chít khăn chuẩn bị ulla vào các gia đình đã được phân công nuôi heo làm cỗ cúng Thần.

Khi trời đã nhọ mặt người, từng hồi trống ngũ liên thúc ở đình làng. Dù phải qua mấy sào ruộng mới vào tới làng mà âm thanh rùng rợn đã vang vọng khắp thôn trên xóm dưới. Lại thêm tiếng reo hò, tiếng chân bọn cướp chạy huỳnh huých; rồi bọn cướp bật hồng. Những ngọn đuốc trong chốc lát cháy bùng lên tưởng như bọn cướp đốt nhà. Mọi người đều biết là một màn

cướp giả, song cũng cảm thấy rùng mình. Riêng trẻ con thì khóc la inh ỏi. Tiếng mõ, tiếng tù và hòa với hồi trống thúc. Bọn cướp xông vào nhà anh Tư và Nhiều Khả, trói nghiêng hai con heo nặng hơn tạ, rồi khiêng chạy thẳng ra đình làng. Trống vẫn thúc, tù và vẫn kêu xen lẫn tiếng heo eng éc. Các ngọn đuốc vẫn như con rắn uốn lượn trên đường. Và lúc ấy, dân làng trai đình gái mấy xen kẽ cùng các ông già bà cả lũ lượt kéo nhau ra xem lễ.

Khi dưới nhà cụ Mỗ đang mổ heo chuẩn bị cỗ cúng thì từ trong hậu cung ra tới án thư mặt tiền đình đèn nến sáng choang. Giữa sân đình là lá đại kỳ màu đen đang bay phần phật dưới ánh lửa lung linh từ sân đình hắt lên. Bất chợt chiêng trống vang lên ngoài hiên đình báo hiệu giờ tế thần sắp tới. Khi chiêng trống vừa lắng thì dàn bát âm rền rĩ. Từ trong hậu cung cụ Chánh Hội mũ mào chỉnh tề đang khấu đầu trước chân dung của Thành Hoàng lay bốn lay. Trịnh trọng và kính cẩn, hai tay cụ bê ảnh Thành Hoàng đã được bỏ tấm nhiễu đỏ vào giữa ngực. Một anh tuần đình, quần áo chèn đen, nửa mặt cũng bịt khăn đen đến vác cây long đao cắm trên chiếc giá đặt bên án thư, bước từ từ sau lưng cụ Chánh Hội. Hai bên là hai hàng phụ tế quần trắng, áo

xanh nhạt, đầu chút khăn trắng trên tay mỗi người đều cầm một giá cắm nến. Ngọn bấc cháy tù mù càng làm tăng thêm vẻ âm u trên lối thần ra. Cùng lúc đó trên án thư tiền đình đã có hai chiếc đầu heo, miệng há ra ngậm chiếc đuôi cong tít nằm chễm trệ trên hai mâm xôi gác đỏ. Khi cụ Chánh Hội làm chủ tế đặt chân dung Thành Hoàng nơi chính giữa án thư, mọi người ngoài sân đình chen nhau vào chiêm ngưỡng. Có nhiều cô yếu bóng vía vừa nghển cổ lên thấy dung mạo của Thần đã vội vàng lấy hai tay bịt mặt chạy ra. Dưới ánh đèn nến lung linh, mặt Thần càng dữ dội. Thế rồi khi cụ Bá Thành được cử làm xướng tế vừa giơ tay ra hiệu. Dàn nhạc bát âm từ từ dứt tiếng.

Trong cảnh trang nghiêm bỗng vang vọng bài văn tế của cụ Trạng Phét. Khi bài văn tế vừa dứt thì dàn nhạc lại được cử lên. Sau đó là đến phần tế - cụ Chánh Hội và ban tế tự tuần tự uyển chuyển các động tác theo lời xướng tế của cụ Bá. Ba tuần tế lễ vừa xong, tiếng trống, tiếng tù và, tiếng thanh la náo bạt ở ngoài hiên đình nổi lên sôi động và ngay chỗ ban tế tự vừa rút, xuất hiện hai bên hai phe tuần đình và bọn ăn cướp. Họ múa giáo gươm, múa gậy qua lại nhịp nhàng từng thế võ

do ông Trương Tuần hô xướng. Trống, tù và càng dồn dập thì hai bên đánh nhau càng hăng và cuối cùng phe tuần đình phải thua chạy - vì bọn cướp là bộ hạ của Thành Hoàng làm sao thua được. Bọn trai đóng vai tuần đình lúc này đóng luôn vai ăn cướp chạy ủa ra sân gặp cô gái nào là nắm tay kéo chạy. Tiếng la oí oí của các cô gái hòa với âm thanh trống đánh tù và kêu y hệt như cảnh cướp thật. Lợi dụng thời cơ này, trai, gái đã hẹn hò trước; hoặc có đứa cũng làm càn kéo đại cô gái nào đang đứng lơ ngơ ở sân đình đi theo mình. Trong cảnh tưng bừng náo nhiệt đó; tai ai cũng ù đi mà không ù thì cũng chỉ cho đó là cảnh cướp giả, có la hét kêu cứu chẳng ai để ý làm gì. Thế là trên bờ cỏ non mượt dưới chân dê trong khóm tre kín đáo hay bên chân các đồng rơm, đồng rạ người ta đánh thành ngọn ở Bãi tha ma, những cuộc tình cho nhau vội vã hoặc cưỡng dâm đều chỉ có chúa xuân biết - chứ còn đám ông bà già cùng với đám trẻ con thì đang mải mê xem các màn ca vũ do ban nhạc Bát âm phường Khâm Thiên biểu diễn. Suốt ba ngày hội hè đình đám. Tuy phần lễ chỉ diễn ra trong chốc lát, nhưng phần hội thì đêm nào cũng như đêm nào. Cảnh trai gái hẹn hò càng dữ dội. Và chỉ vài tháng sau người ta chợt thấy cánh con trai

làng Đông Thượng cứ lần lượt bỏ xứ ra đi. Đến cuối đông các cô gái làng này cũng lần lượt cho ra một lũ bọn “tướng cướp con”. Đúng như lời ông Phó về đã tiên đoán. Ra đi bao nhiêu lại sinh sôi nảy nở bấy nhiêu, các cụ hào lý trong làng cho đó là sự “cân bằng sinh thái” mà không tổ chức lễ lạ, không có Thành Hoàng thì làm sao miệng có ăn, làm sao nặng chiếc hầu bao. Bởi vậy, cuộc tế lễ vẫn diễn ra bình thường trên mảnh đất đình làng cho đến đời thứ tám nhà cụ mõ. Các đời Mõ sau thì lịch sử đã sắp sang trang và thuộc dòng ngoại tộc. Cũng kể từ đời Lê Cảnh Hưng đến năm thứ mười chín đời Bảo Đại, công việc tế Thành Hoàng suy ra cũng đã ngót hai trăm năm. Hai trăm với biết bao biến đổi. Các cụ có công “khai sinh” ra Thành Hoàng làng Đông Thượng cũng đã trở thành Tàng Tổ, Tị Tổ đời thứ bảy, thứ tám của các gia tộc này. Người xưa đã dạy “Ai giàu ba họ ai khó ba đời” nên ngôi thứ và các chức sắc trong làng cũng thay đổi rất nhiều. Nhất là dần dần càng về cuối các đời sau, bọn con tướng cướp đẻ hoang trong làng lớn lên càng lộng hành. Phong hóa suy đồi. Cái truyền thống võ tướng của cụ Tổ làng này đã trao nhậm tay vào vị Thành Hoàng của làng do các vị chức sắc Kỳ mục của làng dựng lên.

Vương đạo hay bá đạo như Lão Tử phê Khổng Tử - đều do cái lưỡi của con người cả.

Một buổi chiều cuối năm. Gió lùa khô trên bãi cỏ gà lơ thơ sót lại trên mặt sân đình. Sương muối hình như nặng quá đã chạy tìm đôi bàn tay ông Mỗ đang ngồi thu mình trước cửa nhà. Đôi mắt tuổi năm mươi chưa còn trẻ nhưng lòng ông thì chưa hẳn đã già. Thế mà lần nào vợ ông tưởng như bông hoa đã kết trái, chẳng hiểu sao lại tàn héo đi ngay. Đã bao nhiêu lần như thế. Thậm chí mới năm ngoái đây thôi, khi vợ ông nằm chờ bà mẹ tới và dưới bếp ông đã đun sôi nồi nước. Bỗng ông nghe tiếng vợ hét. Tất vội nắm rơm còn cháy dở, ông vội chạy lên. Lúc ấy vợ ông đầu tóc rũ rượi, nắm lấy tay ông chỉ ra phía bãi tha ma hỏn hển sợ hãi bảo ông: “Nó, nó vừa từ bụng tôi ra... nó chạy mất rồi...! Vừa lúc ấy vợ ông chuyển dạ và cũng là lúc bà mẹ bước vào. Ông bị đuổi ra ngoài. Cảnh trong cái phòng vậy bằng cọt im lìm chẳng thấy tiếng vợ ông la như bao người đau đẻ. Kể cả tiếng của bà mẹ. Ông định bước vào, nhưng bà mẹ đã bước ra thì thầm bảo ông: “Không cứu được thằng cu. Anh lo gói ghém đưa cháu đi”. Rồi

bà mụ bước đi thẳng không đợi câu cảm ơn hay thăm hỏi gì của ông... Giờ đây nghe lời người trong làng xôn xao sợ hãi thì thầm kể với nhau là cứ vài đêm lại nghe tiếng trẻ con kêu khóc thảm thương dưới lòng đất. Khi ra tới nơi thì lại im. Hiện tượng ấy diễn ra kéo dài gần một tháng mới dứt. Rồi đêm đêm cả bầy chim lợn bay từ đầu làng đến cuối làng rúc lên những tiếng kêu rợn óc. Ông Mỗ linh cảm thấy có điều gì không ổn chắc sẽ giáng xuống làng mình. Từ đấy, cứ cỡ lúc chiều đã gần tàn, ông lại ra miếu thờ xác Thành Hoàng thấp nhang khấn vái. Và những buổi bà vợ đi làm thuê, cấy mướn; còn ông “việc quan” nhàn rỗi, ông lại cầm cái cuốc, con dao đi ra miếu, chặt cành tỉa lá những cây ruối dại để đã có vài trăm năm tuổi mọc um tùm chắn cả lối đi. Đối với ông, hình như việc làm này là chỗ dựa cho ông xóa tan mọi lo lắng một khi có tai họa đổ xuống làng Đông Thượng. Song đó chỉ là sự sợ hãi mơ hồ khi nhàn rỗi chứ cái lo, cái sợ cứ luẩn quẩn hàng đêm trong ông chính là cái lo cho mai sau, một khi mà ông chết đi thì lấy ai hương khói...

Bỗng một buổi tối tháng mười. Trời vừa dứt cơn mưa ông Mỗ nghe thấy tiếng chân bước rất vội ngoài lộ vào đình. Tiếng chân ấy bước về phía nhà ông rồi dừng lại.

Vài tiếng gõ rất nhẹ vào cửa liếp và tiếng nói thì thào: “Bác Đức ơi! Ngủ chưa. Mở cửa cho em”. Nghe giọng rất quen mà ông vẫn chưa nhận ra người, vội vàng, ông thấy chiếc mền đay và lập cập ra mở cửa. Một cơn gió đầu đông se buốt ập vào. Trong ánh sáng lờ mờ của ngọn đèn dầu lạc, ông vẫn chưa nhận ra người vừa vào, nhưng đã thấy người ấy cởi chiếc áo tơ bằng lá nón và xoay mình thấp xuống. Một đứa nhỏ cỡ năm tuổi lạnh run tụt xuống. Ông Mỗ vội đóng cửa và đến khêu lớn ngọn đèn. Thì ra đây là người em bên họ ngoại của ông. Đã lâu không nghe tin tức thực hư; chỉ đồn rằng đang hoạt động trong một hội kín như cái hội Tam hoàng gì đó của Tàu. Hai anh em chưa kịp ngồi thì bà Mỗ cũng đã ra. Ông vội giới thiệu cho vợ biết tông tích người em, rồi giục bà đi đun cho ấm nước chè. Khi bà Mỗ xuống bếp rồi, hai anh em thì thâm to nhỏ, lâu lâu ông Mỗ lại liếc nhìn về đứa nhỏ đang thu mình ngồi ở góc nhà. Cuối cùng người cha gọi đứa nhỏ lại, ông ôm chặt nó vào lòng và bảo: “Mới, ngoan nghe con - con ở đây với hai bác. Bố sẽ đi tìm mẹ con về cho con nay mai thôi. Nay... mai... thôi mà con!”. Giọng nói nghe như đứt đoạn. Thằng nhỏ hết nhìn bố lại nhìn ông Mỗ. Đời nó đã ở hết chỗ này chỗ kia do bố nó gửi gắm. Nèn

nước mắt nó đã không còn. Người bố hạ giọng “con làm con hai bác đây đỡ khổ con ạ. Bố sẽ về sớm... thôi mà!”. Và cánh cửa liếp vội vàng mở ra. Gió lật ngược thổi vào lưng đẩy đi vội vã như lúc đẩy hai bố con bước qua cửa nhà ông Mõ.

Cu Mới lớn nhanh như thổi, nó gọi vợ chồng ông Mõ bằng bố bằng mẹ thật tự nhiên. Có lẽ tiếng gọi này đã quen vì đã từng phải gọi bao người bằng hai cái từ này mà mỗi lần bố nó đem gửi ở đâu, trước lúc ra đi đều dặn như thế. Song thực tình nó yêu thương vợ chồng ông Mõ bằng tất cả tấm lòng bởi sự đùm bọc của ông bà Mõ từ miếng ăn thức uống, tắm rửa cho nó, thay quần thay áo cho nó kể từ lúc nó năm tuổi đến bây giờ nó đã lớn tới mười bốn mười lăm, có thể tự làm lấy được rồi - mà vẫn không thoát được cái tình mẹ con mà bà Mõ thềm khát bao lâu. Bà chải đầu tóc nó, cho nó mặc những tấm áo manh quần mà bà xin được về cắt vá cho vừa - rồi đứng ngắm nghía Mới qua đôi mắt đã sớm mờ. Tự hào, mỉm cười chửi yêu: “Cha bố anh, sang năm lớn tồng ngồng không biết lấy quần áo đâu mà mặc”. Mới chạy ôm lấy bà, mắt giấu sau lưng bà Mõ

hoe đỏ. Mới vui nhất là tự năm mười tuổi đến nay, nó thường được bố cho đi theo, cầm mõ gõ lên ba hồi để bố nó cất lời rao “chiềng làng nước...”. Âm thanh và giọng điệu ngân nga riêng của nghề mõ dần dần thâm nhập vào tâm hồn nó từ lúc nào chẳng hiểu đến nỗi bây giờ nó đã có thể đi thay bố. Cái giọng của một thằng con trai vừa vỡ tiếng hình như vang xa với âm điệu rền và ngọt hơn lời rao đã hoen rỉ của ông Mõ đã ở tuổi xế chiều. Ngay cả tiếng gõ lóc cóc giáo đầu cũng như có sức mời gọi. Chẳng thế mà mỗi lần nghe hồi mõ đầu, Xuyên đã ngừng thở, chạy ra bên chiếc cổng tre trước nhà đợi Mới đi qua. Tự đứng nó thấy mê đôi tay của Mới “múa” trên chiếc mõ và đợi chờ giọng Mới cất lên. Những hôm không có tiếng mõ, tiếng rao Xuyên bâng khuâng thấy tâm hồn mình như đang mong đợi, đang nhớ nhưng một cái gì êm nhẹ mơ hồ chẳng khác gì nàng Mỹ Nương xưa ngơ ngẩn trong phòng the nhớ tiếng hát chàng Trương Chi làm nghề đánh cá. Mặc dù nó cũng chỉ mới mười bốn mười lăm tuổi như Mới, song tâm hồn nó hình như vẫn được thừa hưởng cái gien của cụ Tiên Tăng tổ Lý Huy, dù sau này gia thế cụ Lý đã lụn bại. Mẹ Xuyên ở hàng chắt chút gì đó, chỉ được chia cho một mảnh đất gần đầu làng. Miếng đất ấy bé bằng bàn

tay đủ cất một gian nhà và cái sân đi vài bước đã hết. Tuy vậy, bà mẹ Xuyên vẫn dạy con phải giữ cái gia phong truyền thống của cụ Tổ Lý Huy - người có công đầu trong việc lập Thành Hoàng cho làng Đông Thượng. Có hôm, bà mẹ Xuyên thấy con mình đứng ngơ ngẩn đợi chờ lời rao của Mối, bà gọi giật Xuyên vào và giận dữ buông lời: “Con gái hờ hớ mà lại ra cổng đứng nhìn một thằng mõ, lỡ có ai đi qua trông thấy thì còn gì cái tiếng tằm của dòng tộc nhà mình. Cái giai cấp mõ là cái giai cấp cùng đinh rồi con ạ. Ngày xưa may ra thì được xếp cùng bọn nhà trò con hát - các cụ đã bảo xướng ca vô loại - nhưng từ khi có cụ Đào Duy Từ, tuy là nhà con hát mà đã lập công dựng nước cho Nguyễn triều ta nên không ai dám đả động tới nữa. Do đó chỉ còn loại mõ là loại “duy nhất độc tôn (?)”. Không có ai tiếp xúc... chẳng hiểu bà có được học chữ nhất chữ nhị gì không hay chỉ nghe đời này truyền lại đời kia thêu dệt vẽ vời ra toàn cái tốt của cụ Tổ nhà mình. Chứ nào ai biết cụ Lý đương thời ăn cắp của công như mỏ khoét, lén lút dâm dật cũng ra trò.

Xuyên nghe mẹ nói đến trăm lần cái dòng dõi “quyền quý” của mẹ chỉ mỉm cười. Cô còn lạ gì cái dòng giống ấy. Mấy ông đẽ ra ông bác ông chú và ngay ông bố của

mẹ nữa cũng đều là bọn đi bợm, tổ tôm tài bàn xóc đĩa, làm nhiều điều bất nghĩa. Nhà cửa cầm cố bán sạch. Đời cha ăn mặn thì đời con khát nước. Khinh thường cái dòng họ ấy bao nhiêu thì Xuyến lại thương bố bấy nhiêu. Bố chết trong cảnh nghèo hèn không có một cái gì để mẹ bán đi chữa chạy. Và Xuyến vẫn nhớ tiếng mõ, nhớ lời rao của Mối. Vẫn lén mẹ ra cổng đứng chờ khi âm thanh hồi mõ đầu của Mối cất lên. Đã có lần đi cắt cỏ về, Xuyến đã lấy cỏ xuống ao trước đình rửa mặt để được gặp và nói chuyện với Mối. Tình yêu trẻ thơ của hai đứa hồn nhiên chẳng ai suy nghĩ gì ở mai sau.

Một buổi trưa mùa hè, khi phiên chợ làng gần tan. Mối lang thang vào đầu làng đi qua nhà Xuyến nhưng không thấy bóng Xuyến đâu. Nó chợt nghĩ tới cây khế nhà cụ Bá mọc sát bờ ao. Bây giờ mọi người đã ra đồng làm hết chắc chẳng có ai. Nghĩ là làm, nó bèn chạy vòng về phía sau chùa làng nhìn trước nhìn sau, Mối vạch rào tre chui vào. Mối thấy phía cạnh sà ra ao có những trái khế to màu chín vàng mọng nước chắc là phải ngọt lắm. Hái mấy trái này lát nữa đi về qua nhà Xuyến tặng cô ta thì tuyệt biết mấy. Thế là nó vội vã leo lên rồi từ từ lần ra... nhưng một tiếng rắc khô khan và Mối rơi tòm xuống nước. Càng nhô lên hụp xuống càng

ra xa. Vừa lúc đó chị Vân đi chợ làng về ngang qua con đường sát lũy tre ao cụ Bá, chị chợt nghe tiếng bụp bụp và nhìn vào. Chị thầm kêu “Trời ơi! có đứa trẻ chết đuối”. Thế là chị vội quăng chiếc thúng đựng hàng đang đội ở trên đầu xuống, vạch bờ tre chui được vào bên trong, chị nhìn trước nhìn sau rồi vội vàng kéo gấu váy đằng trước lên chắn vào răng, còn gấu váy đằng sau chị bện chặt vào lưng và hối hả lội xuống từ từ lần bờ ao lội ra gần cu Mối. Nước ngoài sâu bao nhiêu chị lại phải vén váy cao lên tới đó. Cuối cùng chị cũng nắm được bàn tay Mối kéo vào bờ, bế nó lên đặt bên vệt tre. Nhưng thấy thằng cu Mối vẫn nằm im, nắm tóc mai nó giật giật mà nó vẫn không nhúc nhích. Có lẽ thằng Mối đã bị ngộp nước. Chợt nhớ tới bài học dân gian chữa người chết đuối, chị định vén cao váy lên, nhưng từ lúc lên bờ chị đã quên. Váy vẫn còn nằm phía trên ngực chị. Tặc lưỡi Vân ngồi xổm và rê qua rê lại trên mặt cu Mối. Nó hắt hơi liên tục. Chị Vân đứng dậy, quên cả kéo váy xuống và bảo nó: “Mày không nhớ lời các cụ dạy à: Hóc xương gà sa cành khế là đấy. Chết hụt. Nhớ chưa. Ngồi dậy mà đi về. Bố Mỗ mày mà biết thì chết đòn em ả”. Rồi chị chui ra lũy tre, nhặt chiếc thúng hàng đội lên đầu đi về chẳng cần biết là mình đã làm

một điều nhân đức. Nhưng bài học dân gian chữa người chết đuối vừa rồi chị thấy thật hiệu nghiệm. Cu Mới ngồi thừ một lúc và lơ mơ nhớ lại hình ảnh chị Vân cởi trần cứu mình thoát chết. Nó vội theo lối cũ chui ra, ba chân bốn cẳng chạy lối tắt về đình không dám qua nhà Xuyên.

Thời gian đi nhanh quá. Chết đuối tuổi mười lăm mà nay Mới đã mười tám đôi mươi và Xuyên vẫn mê “tiếng mõ” Trương Chi. Hai đứa đã nhiều lần hò hẹn với nhau bên đồng rơm che khuất sau Đình, nhưng vì ngày mùa, nhiều người về muôn, nên chẳng được cùng nhau tình tự. Cho đến hôm nay, mùa gặt đã xong. Cánh đồng làng Đông Thượng chỉ còn phơi gốc rạ. Cơn gió chớm thu cũng đã nhuộm dạng buổi chiều. Mới đã ngồi chờ Xuyên. Mắt anh đắm nhìn hướng con đê, nơi Xuyên đi cắt cỏ thường về. Rồi tim Mới đập mạnh như theo từng bước chân Xuyên đang kiu kịt trên vai hai bò cỏ mướt xanh. Mới thấy lòng dịu ngọt và khi Xuyên vừa tới, Mới đã vội chạy tới đỡ hai bò cỏ xuống, rồi nắm tay Xuyên nhẹ nhàng ngồi xuống bên mình. Gió chiều lên lạnh mà chiếc cổ Xuyên rịn mồ hôi và vài sợi tóc mai dính bên đôi má hồng rám nắng. Nàng quơ chiếc nón lá phe

phẩy quạt nhìn Mối hỏi trống không:

- Chờ lâu chưa?

- Nhớ quá. Chờ càng nhớ.

- Chỉ dóc!

Hai người toàn trả lời, toàn hỏi nhau bằng câu nói cụt lủn, nhưng hàm chứa sự say nhau biết bao. Mối giằng chiếc nón để quạt cho Xuyên. Nàng bèn chống hai tay ra sau cho đỡ mỏi lưng. Vô tình chiếc khuy áo trước ngực sút ra. Nàng đâu để ý. Nhưng Mối đã nhìn thấy một mảnh trắng hồng đang đun lên làm căng ngực áo, anh vội quay đi nhưng cái đầu vú ấy cứ bám lấy mắt anh. Anh liên tưởng tới đôi vú no tròn, đầu núm hồng nhạt thon thon của chị Vân và rồi cả cái thân hình trắng muốt còn đọng những giọt nước ấy bây giờ chợt lộng vào thân hình của Xuyên, dù là Xuyên đang ngồi bên anh còn đủ cái áo cánh đen, cái váy nhuộm nâu già. Anh buông nón, dơ tay quàng qua vai Xuyên kéo về phía mình. Nhưng Xuyên đã đẩy ra, đứng dậy nguýt dài cười nụ:

- Rõ nỡm!

Quơ vội gánh cỏ lên vai, đôi chân líu riu bước đi

không che giấu nỗi cái rung động và rạo rức thầm kín trong lòng nàng. Nhìn bóng Xuyên xa dần rồi khuất hẳn vào ngõ tre đầu làng. Mới thở dài và cảm thấy rồi ra Xuyên cũng chỉ là chiếc bóng qua đi trong đời anh khi nghĩ tới thân phận, tới lời thiên hạ dạy nhau: “Có các vàng cũng chẳng ai đem con gả cho nhà mõ”.

Song mỗi lần gặp nhau, dù chỉ nói với nhau bằng mắt, lòng Mới lại nuôi bao ước vọng, lại quên hết thân phận hèn mọn của mình. Nhất là khi mùa lễ hội tế Thành Hoàng sắp đến, Xuyên còn mạnh dạn nhoẻn miệng cười bảo Mới: “Nhớ đóng bộ hạ tướng cướp nhé”!

... Rồi thì trống kệ trống, chiêng kệ chiêng. Mặc cả những tiếng hò tiếng hét của bọn cướp theo truyền thống. Xuyên và Mới đã rúc vào cái hang trong đồng rơm kín mít. Hơi thở của hai đứa dồn dập. Âm ảnh bởi bầu vú, bởi da thịt cặp đùi lấm tấm nước của chị Vân. Mới lần mò lên người Xuyên và rồi sự rung động đầu đời của hai đứa và của riêng Xuyên. Nàng ưỡn mình rên lên tràn ngập khoái lạc tựa bọt sóng biển va nhẹ đầu ghềnh. Từ buổi ấy, hai đứa như cặp hổ đói mồi và cái hang sau đình chỉ có Thành Hoàng và rơm rạ biết. Sau ba tháng mê muội, lăn lóc cùng nhau. Xuyên đã hơi hải lên

lút gặp Mới báo cho anh biết là nàng đã tắt kinh. Tất nhiên theo lẽ thường tình thì Mới phải mừng vì một mỗ con đời thứ 9 sắp ra đời. Song vừa nghe Xuyên báo, mặt Mới lặng đi, tái mét. Anh thì thăm hỏi Xuyên:

- Em tính sao?

Xuyên ngồi úp tay vào mặt. Giọng nghẹn đi:

- Hay là trốn đi!? Nhưng cả hai đứa cùng đi một lúc thì chắc mẹ em tự tử mất vì... vì bà sợ mất cái danh giá hư ảo của gia đình cụ Tổ nhà bà.

Thế rồi mấy hôm sau không từ biệt Xuyên, Mới lặng lẽ bỏ làng đi cũng như bao thằng con trai trong làng cứ biến mất dần để lại một lũ tướng cướp con như cái rộp của làng Đông Thượng đã có.

Và vợ chồng cụ Mỗ ngẩn ngơ thương nhớ đứa con nuôi mà hai cụ quý như con ruột. Cuộc sống vốn đã hiu quạnh trong tuổi già, nay lại càng hiu quạnh hơn. Nhất là từ nay cụ Mỗ lại phải lết đôi chân trên con xóm quanh co, rời rã tiếng mõ trên tay với lời rao “Chiềng làng...” mờ đục. Và khi cụ chết đi dòng mỗ đời thứ tám của làng Đông Thượng cũng chấm dứt.

Lòng cụ Mỗ kể từ khi anh Mối trốn đi như bọn trai làng thì cụ đã hiểu rằng nó cũng đã làm điều chẳng phải như cái “guồng” gieo xuống làng Đông Thượng này sau thời gian lễ hội Thành Hoàng. Cụ cứ bần thần tự hỏi không biết đứa con gái nào trong làng lại dại dột như thế. Mà nào ai biết, ai để ý làm gì. Cái cảnh chữa hoang ở Đông Thượng đã xảy ra như chuyện bình thường. Bây giờ cụ chỉ mơ ước là có đêm nào đó nghe tiếng khóc oe oe ở trước nhà, cụ sẽ sô cửa bước ra và ấm nó vào cho bà vợ chăm sóc nuôi nấng như nuôi anh Mối ngày xưa. Và nếu nó là thằng con trai thì quý hóa biết bao! Xong đó chỉ có hy vọng trong tuyệt vọng. Bởi chiến cuộc đã bùng lên từ chốn Kinh Bắc xuống Trấn Sơn nam hạ và lan tỏa đi khắp nơi. Đó cũng là năm Bảo Đại nguyên niên lần thứ hai mươi chấm dứt. Chấm dứt như cụ Thủy Tổ dựng nên nghề mổ được có tám đời. Các nơi mờ mịt cảnh người chết đói, từng lớp người nông dân nghèo đói lòi thoi lếch thếch bồng bế nhau qua hết làng này tới làng nọ. Khoai sắn cũng chẳng còn. Bất cứ một thứ nào ăn được kể cả cây cối cũng xác xơ. Chỉ cần một lớp này đi qua, lớp khác tới thì những cây ấy chỉ còn trơ cành trụi lá. Dân làng Đông Thượng

cũng ra đi như lớp dân nơi khác. Kinh kỳ, nơi xưa đô hội, giờ trên vĩa hè mỗi buổi sáng ra rải rác xác chết. Những đứa trẻ nằm trên ngực người mẹ đã cố nhay nhay vú mẹ đen sì teo tóp rồi cũng lịm dần và từng chiếc xe bò người kéo, dọn xác chết lên xe không kịp thở. Những nắm mồ tập thể, sau này cũng chẳng còn ai đi kiếm tìm ai như thời sau đi tìm mồ liệt sĩ. Bà cụ Mỗ cũng chết trong cơn đói khủng khiếp này trước chồng vài tháng. Kể từ đấy đời mỗ thứ tám làng Đông Thượng đã lụn tàn.

Ngoài kia, con sông đào sát chân đê, nước tháng tám dâng cao vỗ ì ọp vào rặng tre đã úng vàng. Sân đình, xưa phía trước có hai cây gạo hoa đỏ rực tháng năm, từng đàn sáo sậu về gọi nhau riu rít trong buổi trưa hè, nay lá mầm non xanh đã mất, chỉ còn trơ lại mớ thân cành rêu mốc. Cánh cửa vào hậu cung, chỗ thờ Thành Hoàng không then chốt, từng cơn gió lùa theo cửa lớn vào tạo ra âm thanh như tiếng hú gọi hồn. Hai mái rạ nhà cụ Mỗ mục rời lỗ chỗ. Vách đất úng nước vỡ ra từng mảng. Một cảnh vườn không nhà trống đang lan tỏa từ nơi này sang nơi khác và Thành Hoàng từ đó cũng chẳng ai còn quan tâm lễ này hội nọ làm gì. Ngót hai trăm năm từ một sự tình

cờ hợp với sự khao khát có Thành Hoàng bị chết đường chết chợ bỗng trở thành Thần. Ban ơn phát lộc cho cái làng Đông Thượng này sinh sôi nảy nở toàn là tướng cướp. Khi nạn đói đã đi qua, bởi quen nếp sống hung hăng, Đông Thượng lập làng tề đầu tiên. Đình trở thành đồn bốt và Tây Thượng, mặc dù là cùng một ông thủy tổ mà ra vẫn thường bị đám đồng binh hò hét tràn qua bắt trâu bò gà vịt, thậm chí cả đàn bà con gái. Nhưng nửa năm sau, cái đình làng Đông Thượng ấy trong một đêm đã bị nhét đầy rơm rạ đốt lên, kéo cột rã rời sụp đổ chỉ còn mái tường cháy xém và lũ con cháu Thành Hoàng tướng cướp cũng chết nằm ngổn ngang. Làng xóm tiêu điều đúng như ngày cụ Mỗ còn sống đã thao thức băn khoăn vì những hiện tượng chim lợn kêu, tiếng trẻ con khóc âm u dưới lòng đất. Bây giờ điềm báo gở ấy đã hình thành. Đám sót lại trôi dạt về kinh kỳ nhập vào cái hỗn tạp của cuộc sống không cần có ngày mai. Trên đầu sông, bến bãi nhà hàng hay bảo kê đòi nợ, nhà *săm* đầu đầu ai cũng thấy những cánh tay trần xâm đầu cọp nhe răng dữ dội hoặc ngực hoặc lưng là long hổ tương tranh của bọn này. Rồi đêm ca nhi gõ phách nỉ non,

hương phấn dậy mùi và trên những con phố tối bóng cây hay bên “Hồ trả kiếm” con cháu tướng cướp Thành Hoàng làng Đông Thượng cũng có góp phần. Chúng cũng má hồng, kem tằm trắng, môi tô son tím tựa bồ quân, nước bông *thanh hương* dậy sóng hồ, lượn quanh nhập nhằng trong quán Thủy tạ và đợi chờ dưới những tàn cây thao thức ánh đèn. Cũng trong cuộc thanh trừng thảm khốc ngày ấy mẹ Xuyên và đứa con của nàng với Mới đã chết trong cảnh đạo lạc. Xuyên chôn cất mẹ và con xong, cũng bỏ làng ra phố và sau này nàng đã lấy chồng người xứ Tây Dương làm phú lít. Công việc của ông này cũng nhàn nhã. Ngày ngày đạp chiếc xe đạp có gắn bảng số dưới yên kêu lúc lắc đi dọc các con đường đuổi bắt bọn con nít trèo me hái sấu; Xuyên cũng đã uốn tóc, cạo răng bỏ loại váy đụp nơi quê hương bằng những chiếc váy hoa. Cũng may làng Đông Thượng sau này dòng dõi cụ thủy tổ Trạng Phét vẫn còn có đứa đỗ Trạng. Bởi xưa nay anh nào chẳng thích nghe nói dối, bốc phét. Chỉ còn có Thành Hoàng côی cút, lại trở về ngôi miếu ở ngã ba đường tàn lạnh khói hương.

Năm Canh Dần, Bảo Đại đời thứ 25. Một buổi sáng cuối thu, mây đục lờ lờ đem theo làn gió lạnh xa xôi từ phương Bắc thổi về. Mặt "Hồ trả kiếm" hơi gợn sóng xô những đóm hoa lộc vừng còn sót lại vào bờ. Đến gần trưa, mây xám nhạt dần, một chút nắng hanh cuối mùa bạc cả gò đất cô đơn nổi ở giữa hồ. Bỗng dưng có tiếng hô của ông Từ coi chùa Ngọc.

- Thần rùa! Thần rùa đang nổi... Kia ông Rùa!...

Tiếng nói ấy truyền đi mau quá. Quanh "Hồ trả kiếm" đã nhốn nháo người. Họ chỉ trỏ. Họ bàn luận rằng có phải hồ bị ối nước hay sao mà rùa lại nổi lên tìm không khí. Huyền thoại thần Kim Quy đòi kiếm cũng chẳng xác nhận đó là rùa đực hay rùa cái. Với quan niệm trọng nam khinh nữ thì cái gì linh thiêng cao cả cũng phải là nam - là cái giống đực, nên mọi người đều theo một cái luật bất thành văn: kẻ loài vật linh thiêng làm con người sợ hãi thì là ông hét: Ông Hồ, ông cá voi (được gọi là đền thờ Ông)... chẳng cần biết nó là hồ cái hay cá voi cái v.v...

Chỗ này gọi nhau chỉ trỏ:

- Kia, ông đang bơi tới!

Chỗ kia í ới: - Đầu ông to quá!

Quả nhiên, “ông rùa” bơi chậm chạp. Cổ vươn dài, lắc lư rồi lại gật gật cứ như đang biểu diễn trong ngày lễ hội làng Tứ xá huyện Tam tổng trấn Kinh Bắc. Cổ ông thụt ra thụt vô như chờ... lấy lại kiểm thần. Nhưng chỉ một lúc sau ông rùa đã từ từ chìm xuống. Người kẻ chợ tan về. Trăm năm mới được thấy ngài. Có người vội vã chạy mua mấy thẻ nhang, đốt lên cắm la liệt xuống ven hồ rồi vái lia vái lịa.

Nhưng sáng hôm sau, tin đồn lan ra Thần rùa hôm qua đã chết, nổi lênh bệnh gân chân cầu Ngọc làm mọi người bàng hoàng. Người ta lại đổ xô ra quanh bờ xem thực hư lời đồn đãi ấy.

Quả nhiên ông Rùa chết thật nhưng đã được “Công ty vệ sinh môi trường” vớt lên đưa về Viện Khoa học thú y do yêu cầu của Viện này để tìm hiểu lý do vì sao “con cháu của thần Rùa” lại quy tiên. Bác sĩ coi cái Viện này đã tốt nghiệp từ trường Thú y của Tây dương lập ra từ đầu nên ông rất quan tâm tìm hiểu vì sao mấy chục năm nay không có sự cố này mà nay lại xảy ra. Tất yếu ông phải chỉ định các bác sĩ có tay nghề phẫu thuật cao mặc dù đây cũng chỉ là một “xác chết”. Ông không muốn viện mình bị báo chí đả kích như

một bệnh viện “chữa người” kia. Mặc dù đã “soi kính” rõ ràng bộ phận kia hư phải cắt, song đến lúc mổ thì mấy ông ấy lại cắt cái phần lành mà để phần hư lại. Các ông ấy chắc cho rằng “sai đâu sửa đó” như công việc khác. Áp dụng vào cái nghề “chữa người” này mà dùng câu đó thì họa may chỉ có câu chuyện “cụ lang Cuội” lấy đất nặn ruột chó cho chó sống lại như thường. Ông Viện trưởng còn cẩn thận mời thêm các ngành liên quan tới cuộc sống của loài thủy tộc này như ngành thực phẩm, ngành “môi trường nước”. Về ngành thực phẩm ông chợt nhớ tới người bạn học với nhau từ Trung học. Nay cũng đã đậu cái bằng “Phibi” ở nước ngoài. Tuy là ngành thực phẩm dinh dưỡng cho người. Ông vẫn nghĩ đã là thực phẩm thì người hay thú các ông Nghề này cũng đều phải biết. Ông tin bạn hơn nên có gọi qua “ống nói” để có thể phản biện với đại diện bên ngành thực phẩm chăn nuôi trong cuộc họp sắp tới.

Nhận được vấn đề của bạn đưa ra. Cụ Nghề Thanh Tao rầu rĩ, bởi ngành của cụ là cho lẽ sống dai sống dẻo của con người. Nó là thực phẩm dinh dưỡng còn cái cho trâu chó mèo chuột kia ăn nó lại là ngành khác. Mặc dù có những chất cả loài người và loài

vật đều phải sài tới. Trả lời bạn thì sợ va chạm ngành nghề có khi lại giơ cái dốt của mình ra cho thiên hạ cười. Mà không trả lời thì sợ bạn buồn. Đang lúc ngồi buồn bí rì, chợt cụ Nghè Thanh Tao nhớ tới người bạn đồng môn thuở nhỏ. Nay đang về ẩn cư ở Mỹ Luông. Thế là ông bèn lấy giấy hoa tiên, bút sứt ra viết:

“Lâm Bồn hiền huynh nhã giám.

Hiên nay đệ đang có một vấn đề nan giải mà chưa tìm ra được lời giải đáp chính xác. Chợt nhớ ngày xưa lúc chúng ta còn đi học với nhau. Hiền huynh bị ghê đây người và có kể chuyện riêng với đệ là sau mỗi lần tắm ở ao hồ lên là thấy cá tôm chung quanh chỗ hiền huynh vừa tắm nổi lên bênh. Nay đệ xin huynh cố nhớ lại xem đạo đó, bá mẫu có bôi loại thuốc chữa ghê nào như diêm sinh, lưu huynh chẳng hạn cho hiền huynh không? Nhận được thư này kính mong hiền huynh gửi hồi âm cho đệ càng sớm càng tốt”.

Thư đi, mới có hai ngày đã tới nơi. Đúng lúc cụ Tham tá Lâm Bồn ngồi vuốt râu ngắm cặp cá vàng đang ve vãn nhau trong dòng nước lững lờ quanh hòn non bộ. Nhìn bì thư của cụ Nghè Thanh Tao, cụ Tham

vội bóc thư ra đọc. Đọc xong, cụ mỉm cười, nét cười hiền hậu nhưng không giấu nổi vẻ hài hước bên trong. Cụ bèn vào ngay án thư viết trả lời bạn:

“Thanh Tao hiền huynh nhã giám,

Đệ vừa nhận được thư của hiền huynh nhắc lại chuyện xưa và hỏi đạo đó vì sao tôm cá chết sau mỗi lần đệ xuống ao, hồ tắm tấp.

Như hiền huynh đã rõ, gia đình đệ hồi đó sống ở Thành Nam. Mà nơi đây tất cả mọi nhà đều phải mua nước con sông Đào chảy phía Đông Thành. Nước rất đục nên khi mua về ai cũng phải lấy phèn chua bỏ vào khuấy thật lâu cho lắng xuống mới uống được. Nhà đệ nghèo nên hàng ngày mẫu thân chỉ dám dùng ít nước đó để nấu ăn, rửa ráy. Còn đệ thì thường theo bạn bè đá banh ở sân trường Saint Thomas rồi ra tắm ở cái hồ “La Hét” cạnh đó. Như trên đã nói cùng hiền huynh là đệ nhà nghèo nên dù bị ghẻ đầy mình, mẫu thân cũng chỉ đi hái nhúm lá nhọ nôi về giã ra rồi “chấm phá” cho đệ vào mỗi tối. Chẳng có diêm sinh lưu huỳnh gì cả. Thế mà như đệ đã kể cùng hiền huynh thuở đó, là mỗi lần đệ tắm xong. Mặt hồ “La Hét” tôm cá lại nổi lên bèn. Sau này lớn lên đệ mới hiểu là do tôm cá rủa

vào mụn ghẻ của mình nhiễm độc mà chết. Như vậy là do vi trùng ghẻ - cũng như bây giờ các bệnh phong tình nó sống âm u dai dẳng ở ao hồ thì cái họa diệt chủng loài thủy tộc lớn lắm. Lại thấy chốn kinh kỳ nhiều nơi mở hồ tắm, e rằng người không bệnh cũng thành có bệnh vì nước sạch lúc này hiếm lắm. Họ chỉ lo lợi nhuận nào có cần biết sức khỏe con người. Từ đó e rằng cái công ty dinh dưỡng thực phẩm cho trẻ em, ông già bà lão của hiền huynh cũng hỏng cả. Vài lời thô thiển, mong hiền huynh bỏ quá”.

Kính.

Cụ Nghè Thanh Tao nhận được thư, vội vàng viết cho ông Nghè viện sĩ Viện Thú y rằng: “Đệ nghĩ con cháu Thần Kim Quy bị chết một là do nước hồ ô nhiễm, hai là có kẻ nào đó vô tình vất đồ ăn nhiễm độc xuống hồ thôi. Xin thử nước và phẫu thuật coi bao tử chứa chất gì”.

Cuối cùng cả hai việc nơi viện khoa học Thú y đều được tiến hành. Các bác sĩ tài ba làm cuộc phẫu thuật gần một tiếng đồng hồ. Các phóng viên báo chí cũng được chờ ở bên ngoài để nghe kết quả. Khi bao tử của cụ Rùa được mổ ra, các bác sĩ phẫu thuật đều ngưng tay nhìn nhau sửng sờ và bác sĩ trưởng ca mổ ra lệnh: “Việc

này là việc cần giữ kín, chỉ có các thành viên trong ca mổ chứng kiến. Nếu sự kiện này bị lộ ra, người tiết lộ sẽ bị kỷ luật nhà nước”. Nói xong ông rửa tay trước - đến gọi ống nói cho viện trưởng. Viện trưởng hết hồn, vội vàng mặc quần áo phẫu thuật đi vào phòng mổ. Rồi hai người thì thâm gị đó. Và ông viện sĩ vội cầm ống nói không biết gọi đi đâu. Một lúc sau ông và bác sĩ trưởng ca mổ ra phòng khách tuyên bố với các báo rằng: “Đây là một cụ Rùa. Sức yếu không ăn uống được nên đã chết. Giống như con người chúng ta chết vì bệnh già mà thôi”.

Thực tế cụ rùa này, lúc phẫu thuật bao tử thì thấy trong đó đầy bao cao su. Chính cái thứ con người chế ra để bảo vệ sức khỏe, tránh bệnh tật lại làm cho cụ về cõi chết. Chắc hẳn những đêm trăng sáng lung linh, cụ đã xúc cảm cảnh trời mây bóng nước giao nhau, nên nổi lên làm cuộc du chơi. Rồi nhìn trăng đỏp... bóng. Ai ngờ là bong bóng cao su.

Xác cụ rùa để đâu không ai biết. Sau này có một cụ Rùa được nằm trong tủ kính để cho khách du lịch thường lãm đặt nơi đền Ngọc. Chẳng biết có phải là cụ Rùa đã mất vào cuối năm Canh Dần đó không?

PHẦN III

UẨN MỘNG

Trời tháng bảy mưa cứ dầm dề suốt từ sáng tới chiều, có lúc thời tiết thay đổi lại chuyển mùa sang tháng tám từng cơn mưa lớn đổ ập xuống. Cánh đồng làng Đông Thượng nổi lênh bênh như một ốc đảo. Giữa đình và làng con đường lúc ấy cũng lẫn vào từng cơn sóng cổ bò qua sang cánh đồng khác. Con đê với bờ tre xanh ngắt chạy dọc chân đê trong mùa hạ bây giờ lá úng nước rũ xuống màu vàng bệnh tật. Và lớp cỏ mà mượt chân đê giờ cũng trắng xóa gió vào thu. Mấy tuần nay, ngôi chùa nằm khuất trong làng, trên lối rẽ vào nhà cụ Bá đạo xưa vang lên tiếng mõ, tiếng cầu kinh. Người ta lại trở về cái tục lệ lên đồng, hầu Bà Chúa thượng ngàn rồi sang đồng cô, đồng cậu... những buổi ấy, cả khu xóm chùa vang lên tiếng đàn tiếng trống bập bùng phỏ nhịp cho lời hát cung văn lên xuống. Đàn nguyệt ní non lại có đàn đáy đệm vào rời rạc như cơn

nắc trong lối hát ả đào. Ở đó vui bao nhiêu, nhộn nhịp bấy nhiêu thì ngoài đình làng lạnh giá bấy nhiêu. Sở dĩ ngôi đình không làm lại vì các loại thần này đã được xếp vào loại tà thần, ác thần. Nền văn hóa mới không chấp nhận và nơi đây người ta đang chuẩn bị xây nhà máy lọc nước cung cấp cho cả hàng Tổng. Và trong miếu Thành Hoàng, lớp người mới của làng hầu hết là dân nhập cư từ nơi khác tới chẳng ai để ý gì. Trong miếu, ngôi mả vẫn nằm dài, nhưng bát nhang, bộ tam sự gỗ thì đã mất từ lâu. Từng mảnh màng nhện kéo ngang dọc sợi đã nâu đen, lủng lẳng vài con dán khô mắc cong queo và trên các vách tường được bện tre chần trâu vào vẽ đủ các hình đàn ông đàn bà bậy bạ. Chắc đây là bọn tướng cướp con mà bố mẹ chúng đã truyền lại cái gien bất hảo phát triển ngay từ lúc còn thơ. Con đường cái chạy qua cửa miếu trước kia lấn ra làm sân miếu cho rộng. Nay đã được nối lại sau khi đã chặt hết hàng ruối dại um tùm che lấp cửa miếu. Đôi lúc buồn chán Thần lại tính dở “phép màu” làm cho cái dân làng Đông Thượng này tuyệt tự như đạo Thần phất tay ra oai khiến vị mỗ đời thứ 8 bị cảnh cô hồn không người thừa tự khói hương. Nhưng thời thế đổi thay chứ đâu phải là cái làng này nó bỏ rơi Thần, nó

phụ bạc. Mà chúng cũng đã bỏ đi Nam đi Bắc gần hết cả làng. Phiêu lưu tứ xứ. Nghe đâu bây giờ lại còn lưu lạc ở châu Âu, châu Mỹ nào đó. Gần hai trăm năm ăn xôi ăn thịt thế cũng đủ rồi! Thời thế mà! Thần lẩm bẩm nhắc lại. Sao lại oán trách họ nhỉ? Nhất là tấm lòng tốt của cụ Mỗ khi cái đình này bị lập đồn lập bót, bài vị của Thần nó đem quăng ra bờ ruộng. Cụ Mỗ đã cẩn thận gỡ khung ra, rồi nhét vào một ống tre đem ra chôn ở đầu mả Thần. Việc làm của cụ Mỗ càng làm Thần ân hận về hành động xưa kia đối với vợ chồng cụ. Thần cũng không phải là kẻ vô ơn nên khi hồn cụ Mỗ vừa lìa khỏi xác trong cơn đói nghèo bệnh tật. Thần đã xuống địa phủ kiếm tìm cũng như mong gặp hồn mấy ông địa chủ thật, địa chủ oan bị bắn đùng đùng trước sân đình thời cải cách ruộng đất. Bởi vì những con người này cũng đã có thời đóng góp và kính cẩn trước uy nghiêm dữ dội mặt tướng cướp của ngài trên tranh cụ Phó Vẽ tạo ra. Nhưng rồi chẳng gặp một hồn ai. Chắc họ đã đầu thai kiếp khác. Lòng Thần mang mang nỗi hoài nhớ dĩ vãng; cầu mong cho họ đừng phải làm đủ kiếp: lừa, trâu, lợn, chó như hồn anh chàng Tây Môn Náo trong truyện “sống đọa thác đầy” của nhà văn Mạc Ngôn Trung Quốc.

Và chiều nay lại mưa trắng đồng - càng mưa càng buồn. Tháng bảy là tháng cô hồn đi húp cháo lá đa ở các chốn chùa chiền. Chỉ có riêng Thần đã vô tình được làm Thần - uy danh là một bộ tướng của Tướng quân Nguyễn Tuyển chọc trời khuấy nước suốt một giải giang hạ, có chết lần nữa thì cũng phải chết đứng như Từ Hải không thể nào lang thang như đám cô hồn kia đang xúm xít quanh chùa trong làng. Mà làm gì có cảnh nghe kinh nghe mõ rồi siêu thoát. Trần gian hay âm phủ, cuộc sống na ná như nhau hết. Cũng ghìm nhau cho đến chết tả tơi, áp dụng luật trên cõi thế là “chó chết hết chuyện” cũng cứ bảo nhau; “đẻ lâu cứt trâu hóa bùn” - là xong! Hai thế giới sống chết ấy chỉ có khác là giữa người còn sống và người đã chết không nói chuyện được với nhau như ngôn ngữ nước này nói chuyện với người nước khác chẳng hiểu. Bởi thế anh sống muốn nói chuyện với anh chết phải qua ông thầy bà cốt đánh đồng thiếp. Cũng như nằm mộng mới được gặp nhau - mà mộng thì chỉ có lúc ngủ như một cái chết lâm sàng. Lúc ấy tha hồ mà kể lể, mà mừng vui, khóc lóc với nhau.

Mưa càng ngày càng nặng hạt.

Gió còn cào lướt nghiêng những cành ruối đại vào cửa miếu trống hoác.

 Út cố bước thật nhanh rồi khom người chui vào phía trong, nép thật lẹ vào tường. Vừa lạnh, vừa mệt; hơi thở anh như gấp lại lúc đã đứng im. Từ con đê chắn ngang bờ sông trước cửa Đình Đông Thượng, tưởng có thể đi thẳng xuống Đình rồi vào làng. Ai ngờ con đường đi tắt mà bố anh chỉ, bây giờ đã xanh màu nước nổi. Anh lại phải quay ngược kim đồng hồ đi qua con đường chạy giữa bãi tha ma là con đường đất đắp cao mấp mé bờ ruộng để vào làng. Giữa lúc ấy, lúc anh còn đi trong lòng vô số những mồi cao thấp nhấp nhô thì mưa ập đến. Anh xốc ba lô, lao người chạy khi thấy phía trước một cái miếu lơ mờ trong bóng mưa. Tưởng như gần, ai ngờ chạy muốn dứt hơi mới tới. Út quăng chiếc ba lô, lấy tay phủi phủi bụi dưới nền, anh ngồi bệt xuống. Mờ bao thuốc Sài Gòn đầu lọc, Út đốt thuốc, kéo liên tiếp vài hơi cho bớt lạnh. Qua ánh chớp và màn mưa trắng mờ mờ hắt vào, anh chợt rùng mình thấy mình đang ngồi cạnh một ngôi mả nằm lù lù ở giữa. Thì ra đây là một cái miếu hay là một ngôi mộ như anh đã từng thấy ở quê mẹ, người ta thường xây một cái nhà con con cho

người đã chết. Anh sờ mình trước bóng tối âm u và tự trấn áp ngay bằng những lời lẽ của bố anh về vấn đề chống mê tín dị đoan đạo ông cụ còn công tác trong phong trào xây dựng nếp sống mới ở thôn ấp.

Trên cánh đồng, sấm vắn nối nhau vang từng chập và ánh chớp cứ dẫn cái âm thanh ấy đuổi nhau nát cả bầu trời. Út chắc lưỡi: “Đành phải ngủ qua đêm. Mai tính”. Rồi anh kê đầu lên ba lô, chân gác lên thành mả. Mơ màng nghĩ tới những điều bố dặn: nào là kiếm mộ ông bà nội, mua vàng mã trái cây, nhang thơm cúng kiếng; nào là “phải cố kiếm ra nhà bà Xuyên...”. Anh nghĩ tới đôi mắt bố trước khi dặn anh, ông cụ đã liếc vội vào trong, chắc xem mẹ anh có ở đó không.

- Lại một mối u tình!

Út nghĩ tới đó, mỉm cười và tự nhủ:

- Sáng mai thì cái bí mật của bố, con sẽ khám phá ra thôi!

Và Út thiếp đi như một đứa trẻ thơ.

Anh là con ông Mối?

Út giật mình nhìn lên. Anh thấy một bộ mặt sạm đen

với vài vết chém trên má đã thành sẹo. Gương mặt tuy dữ dằn nhưng đôi mắt và nụ cười lại hiền dịu. Do đó anh định ngồi dậy để trả lời, nhưng xác thân nặng trĩu không tài nào kéo lên được. Út đành cứ thế trả lời:

- Dạ đúng cháu là con ông Mới. Bố cháu bảo về... -
Dạ, vậy thưa ông, ông cũng là người làng này với bố cháu?

- Ta là Thành Hoàng. Cụ Thủy tổ tám đời nhà anh là người ta gặp đầu tiên và đã hầu hạ khói hương cho ta hết đời này qua đời khác, ngót nghét cũng đã hai trăm năm. Trước kia trong Đình là nơi ta ngự trị nhưng mấy chục năm nay ta đành về chốn mồ hoang này trú ngụ.

- Vậy đây là nhà của cụ? Cụ sống ở đây lâu thế chắc biết nhà cụ Mỗ cháu?

- À, nhà ông bà nội anh trước kia ở mé đình bên kia; nhưng nay người ta đã phá đi làm chỗ để xe bò chở đám ma rồi.

- Dạ thế thưa cụ: Ông bà nội cháu còn có ai là họ hàng thân thích trong làng?

- Các cụ tổ nhà anh đến đời bố anh đều là dân ngụ cư. Cứ loanh quanh sống ở cái sân đình làng này. Rồi

người nào nổi việc mỡ cứ nổi. Còn thì phiêu bạt đi hết rồi. Đến đời bố anh cũng lại phiêu bạt nốt.

- Dạ sao bố cháu bảo trong làng còn có quen bà Xuyên nào nữa ạ?

- Bà Xuyên? A! Bố anh cũng tình nghĩa nhỉ? Nhưng người ta lấy chồng xứ Tây dương và nghe đâu đã theo chồng về nước rồi.

Út nghe xong vừa nhớ “đôi mắt nhìn ngang nhìn dọc của bố mình” dạo ấy - vừa thấy thích thú là mình đã đoán trúng bóc cái u tình của bố. Nhưng mà nay, thì “người mộng” của bố đã dứt tình... sang bên khác. Tự dưng anh thấy thương bố và nghĩ rằng lúc về sẽ lựa chiều mà nói để bố bớt buồn lòng. Bỗng Thần nhìn anh:

- Mà ngoài việc thăm “cố hương hờ cố hương hã” này anh còn có việc gì nữa không?

- Dạ cháu muốn xin chút lý lịch ba đời của nhà cháu để...

- À tôi biết, song lớp trẻ ở đây bây giờ nắm công việc hành chánh. Họ đều là dân mới nhập cư. Sổ hộ tịch của làng thì đã tan nát “tám đời” rồi. Ai biết anh là ai mà lý với lịch.

Út hơi thất vọng:

- Mà giả dụ, ta giả dụ thôi là người ta xác nhận lý lịch cho anh nhưng anh đã có bằng cấp gì chưa? Bởi thời đại của anh bây giờ người ta lại sinh bằng cấp. Bằng càng cao thì ngồi càng cao...

Út rụt rè:

- Dạ cháu mới tốt nghiệp bổ túc cấp 3 năm ngoái.

Thần nghe Út nói, bèn cười ha hả rồi buông câu chán nản như thương hại:

- Thế thì chẳng ăn thua gì? Phải chịu khó mua lấy cái bằng tiến sĩ hay bét ra là cái bằng thạc sĩ. Mất vì cái lý lịch lờ mờ thì phải dùng cái bằng mà kéo lại. Chẳng được trường thì có bằng cao cũng vẫn có thể làm phó.

- Nhưng gia đình bố cháu có ba sào đất...

- Ấy thế là hỏng... Nếu ngày xưa, anh sanh sớm một chút thì có thể sang nước ngoài... dù học chẳng đâu vào đâu nhưng cứ hết hạn là người ta hào sảng cấp cho anh cái bằng - cái bằng Tiến sĩ hữu nghị - như ông Vũ Bão từng kể ấy mà - cái bằng ấy ở nước người ta có mà vác đi xin việc mỗi chân cũng chẳng có ai nhận. Song ở nước mình thì cứ ngon ơ! Ha ha! Mà bây giờ bằng nước

mình cứ là *bằng bia, bằng đất, bằng tiền* thậm chí cả *bằng tình* nữa như cái ông cách Tổng ta cũng chẳng xa, ông ấy đòi đổi tình lấy điểm ấy mà!...

Út cứ ngây ra nghe - Mặc dù báo chí hàng ngày đã đăng những cái tin “thoái hóa, mất phẩm chất này” ở một số thầy giáo. Anh cho rằng đúng là con sâu làm rầu nồi canh.

Út chưa kịp nêu ý nghĩ phản bác của mình thì thần đã lại cao giọng:

- Mà này, cái tội bằng bán bằng mua này chung quy cũng do các ông thầy giáo “thích làm thương mại cả” chứ phần đông thì giai cấp này vẫn giữ được cái phẩm chất cao quý dù có nghèo mạt rệp. Đấy làm sao ta biết mà anh cũng biết: cái thời bao cấp mất trắng đã vì đói, họ cũng vẫn bám trường bám lớp suốt bốn tiếng đồng hồ. Rồi hết giờ cô ra mép chợ ngồi bán con ốc mớ rau, thầy chở thùng cà rem, kẹo kéo rao mỗi mép trên hè phố. Họ nghèo và làm việc chân chính bằng sức lao động của mình. Theo ta thì nếu cái ông bí thư tên Lại nào đó thời bốn sáu bốn bảy nếu có còn sống chắc không dám chửi thầy cô giáo...

- Dạ, bí thư... chửi...

- Ủ, thì anh này chỉ là kẻ cơ hội, bản chất tất vô học vì chỉ là một anh đồ tể mổ heo cho cái lò mổ của người Hoa Kiều. Anh ta chỉ mặt... và chắc cũng lại là các bộ mặt thầy giáo bán bằng rằng... thì là: “Này tôi nói cho các anh biết. Tầng lớp trí thức, tiểu tư sản các anh chẳng qua chỉ là cái sinh thực khí tức là cái của thằng đàn ông, nghĩa là khi xung trận được kích thích thì nó sượng cương cứng lên. Rồi sau đó thì ỉu sùi như thằng chết trôi...”.

Út nghe Thần đọc một hơi câu nói quá dung tục, hết hồn:

- Dạ chắc không có chuyện đó.

- Thì anh đi kiểm ông Ma Văn Kháng mà hỏi. Ông ấy đã kể về ông này trong cuốn “Đám cưới không có giấy giá thú” ấy. Không có mà dám viết à. Có mà đi tù vì tội bôi đả bôi đen! Ấy còn chuyện ông Võ Phá đã là thầy mà vẫn phải đi học làm thầy nữa lạ chưa? Tôi kể cho anh nghe nhé... ngày xưa...

Út có thì giờ đâu mà đọc sách, ngay cả tờ báo cấp huyện anh cũng chỉ cầm lên nhìn sơ sơ các hàng chữ lớn rồi vội vã đến xưởng. Tối về lại mầy mò những con số thống kê chi chút rồi lăn quay ra ngủ. Một ngày như

mọi ngày. Thức giấc dậy đã ám ảnh âm thanh tiếng cửa máy, tiếng công nhân gọi nhau chuyển tay công việc. Rồi vội vã ăn chén cơm, lao đầu ra lấy chiếc xe đạp, rướn mình đến xưởng. Ngày cứ thế! Và đời anh cứ thế trôi qua! Còn cái ông Võ Phá viết trong “Tôi học làm thầy” nghe Thần kể thấy thật thà mà phũ phàng quá. Cũng may anh không đậu đạt gì cao mà thi vào cái ngành làm thầy giáo ờ... ờ... mà dễ gì - bao nhiêu người đã đậu. Vẫn phải cầm đơn cầm mảnh bằng chen nhau như giành mua vé xe ngày Tết mà cuối cùng đơn vẫn ở trên tay chỉ khác trước là nó đã nhàu như tờ giấy lộn. Người ta đọc báo và kể cho anh nghe như một thảm cảnh. Rằng có cô ở ngoại thành cơm đùm cơm nắm dậy từ bốn giờ sáng lên tới nơi thì đã thấy một “rừng người” chen vai thích cánh - thầy cô giáo tương lai - cũng vắng nhau khi thầy cô ép ngực, ép lưng nhau mà tiến lên... tiến lên chỗ vô vọng. Bởi có cô bị chèn vắng ra ngồi bên lề ôm mặt khóc. Đơn vẫn hoàn đơn, chỉ tội chút hồng nhan đã nhuộm đủ hơi người trong cái nóng dữ dội của mùa hè ở thành phố miền Nam.

Út ngược mắt lên nhìn thần bày tỏ sự khâm phục. Vì Thần ở tít tận đây, ở cái cõi âm phủ mang mang mờ mịt

mà sao biết tường tận hơn cả con người trần thế. Út lại chạnh nhớ tới hồi còn nhỏ được bà ngoại dẫn đi coi lễ ở các chỗ đền thờ miếu mạo. Ngồi bên bà, Út đã thuộc lòng câu cầu khẩn của bà: “Lạy Thánh mớ bái, chúng con người trần mắt thịt, xin ngài...”. Đúng mình là người trần mắt thịt chẳng hiểu cái quái gì ngoài cái máy cưa! Mỉm cười anh xin Thần cho biết:

- Dạ, cháu xin Thành Hoàng cho biết mộ của ông bà cháu được chôn ở đâu? Và ngày mai cháu vào gặp các viên chức của làng liệu có hy vọng gì...

- Bây giờ trời cũng sắp sáng, ta với anh chẳng còn bao thời gian mà nói chuyện với nhau. Âm dương cách biệt. Ta sẽ cho anh biết về mộ phần - cái đó chẳng còn đâu. Bởi các cụ anh là dân ngụ cư nên lúc chết người ta bắt chôn ở cái gò đất hoang nằm ở ngoài làng, song vài năm gần đây, chỗ đất ấy đã được giải tỏa để làm nhà máy xay xát. Các mộ phần vô thừa nhận đều đã được hỏa táng hết rồi. Anh biết mà, đất để ở, để ăn giờ quý như vàng, các cụ nói “tấc đất tấc vàng” chẳng sai. Ai mà chôn lại những nắm xương tàn ấy nữa. Còn lý lịch lý lẽ gì đó thì anh cứ vào xin. Tùy cái hồng phúc nhà anh thôi.

Còn việc của ta, ta xin nhờ anh - nếu anh giúp cho thì may ra đời ta lại có năm xôi miến thịt mà ăn...

- Dạ xin Thần cứ dạy, nếu làm được cháu xin giúp ạ.

- Ta cảm ơn tấm lòng của anh. Đạo ấy ông nội của anh có chôn cái bài vị của ta phía đầu mả, bởi ông cụ sợ mả của ta là cái mả vô danh. Ta nhờ anh sửa hộ ta cái họ tên trên bài vị:

- Sửa tên họ... dạ cái đó thì cháu không dám vì mắc vào tội giả mạo như bọn bán bưng.

- Không, không sao anh chỉ sửa hộ ta cái họ Tướng thành họ Tướng thôi. Hồi ấy ta chết có ai biết họ tên nên lão Trạng Phét đã phong cho ta một cái tên là Tướng Văn Cướp. Nay anh sửa dấu sắc thành dấu hỏi - ta sẽ thành Tướng Văn Cướp - nghĩa là cùng họ với thằng cha Tướng Giới Thạch ở Đài Loan và anh sẽ đem bài vị của ta vất xuống một dòng sông lớn - theo nước ra khơi - hồn ta ra biển và có thể dạt vào một nơi nào đó của cái đảo này. Bọn dân ở đó sẽ vớt ta lên và thấy trên bài vị mang họ Tướng... thế là ta lại ấm tấm thân. Nơi đất khách quê người ta sẽ không cô đơn lạc lõng đâu cháu. Vì người nước ta lúc này đi lao động và nhất là lấy chồng Đài Loan đông lắm...

Nói tới đây, Thành Hoàng dơ tay đẩy Út chúi xuống khỏi chỗ nằm. Anh choàng tỉnh dậy. Bên ngoài trời đã lờ mờ sáng. Mưa đã tạnh. Chẳng lẽ lại là một giấc mơ. Lòng phân vân khôn tả vì lời người trong mộng. Rút một liều thuốc hút cho ấm lòng và cũng là để lấy lại bình tĩnh, anh nhất định chờ cho trời sáng tỏ, sẽ ra chỗ đầu mả bới xem. Ra ngoài cửa miếu, nhờ trời mưa đất mục, anh nhổ dễ dàng một khúc tre cứng làm hàng rào và đi vào hì hục đào bới. Mới đào có hơn gang tay anh đã moi lên được một ống nứa đen bóng. Anh cẩn thận ra chỗ sáng từ từ nạy nắp ống ra. Quả nhiên trong đó có một giải lụa vàng nhạt. Trên mặt lụa đúng là có ghi Tướng Văn Cướp - mất ngày, tháng, năm được phong là Thành Hoàng làng Đông Thượng. Một cảm giác rờn rợn lạnh toát châu thân. Đây không là mộng mà là một hạnh ngộ của anh với người cõi âm rồi. Út đứng dậy, hai tay cầm ống bài vị cúi lạy ngôi mộ bốn vái xong anh cho nó vào trong túi hành lý và bước vội trên con đường sũng nước vào làng.

Đông Thượng bây giờ đất hẹp người đông. Máy sào ruộng được chia hồi cải cách không đủ cho các gia đình

có nhân số ngày càng đông. Bởi kế hoạch sinh đẻ của vùng này đã vỡ. Do đó dân làng này lớn lên lại đi giang hồ tứ xứ. Trong xóm sương đã tan, gà đã thôi tiếng gáy mà con người vẫn dấu mình. Út cảm thấy cảnh thôn làng này vừa có sự tĩnh lặng êm đềm vừa gờn gợn trong anh cái hoang vu ẩn dấu đằng sau. Bước vào nơi làm việc của chính quyền với ba bốn cái bàn mộc bày hàng ngay ngắn. Trên đó cũng trang điểm bảng tên, chức vụ phía trước. Nhưng mặt trời đã lên tới ngọn tre chưa thấy một viên chức nào. Út bồn chồn ngồi trên băng gỗ kê ở lối ra vào dựa sát vào vách. Mảnh sân trước đầy cỏ chết. Hai chiếc cột tre chia sân làm hai mảnh còn lủng lẳng vài sợi lưới rách bươm. Một bóng người khoác áo ka ki đại cán, đội nón cối đang đạp xe đạp từ cổng vào, Út thấy một niềm hy vọng đang dâng lên giải tỏa những đợi chờ. Người mới vào dựng xe. Út nhìn thấy lủng lẳng bên hông chiếc sa cốt. Hai người nhìn nhau với hai ánh mắt khác nhau. Ở Út là một sự đợi chờ và ở người kia là cái nhìn xa vắng, lạnh lùng:

- Chào bác. Út lên tiếng trước.
- Chào anh. Anh cần việc gì?

Sau một điệu thuốc lào. Thở khói lên mây và lời nói cũng lại lạnh lùng xa vắng như tia nhìn:

- Không có tên nào là tên Trần Văn Mới ở cái làng này. Nếu tìm được người biết gốc gác ông bố anh. Ra đây làm chứng tôi sẽ ký ngay cho anh.

Và rồi lại một điệu thuốc lào. Thở khói lên mây nhưng không còn có lời đối thoại nào.

Út đi vào trong xóm. Hỏi thăm nhà bà Xuyên.

- Bà Xuyên nào?

- Dạ bà Xuyên dòng họ cụ Lý Huy.

- À, lấy Tây rồi. Theo Tây về nước từ 54 rồi

- Dạ thế cụ làm ơn cho con hỏi làng ta xưa có ông nào tên Mới không ạ?

- Chẳng biết ai tên mới với cũ nào cả. Chú chịu khó đi vào trong xóm có mấy ông cụ mà hỏi thử xem.

Lang thang hơn nửa tiếng từ xóm Bắc đến xóm Nam, anh may mắn được người ta chỉ cho vào nhà cụ Thọt. Một ông già bám làng bám đất từ trước đến giờ mặc bao sóng gió tang thương đã xảy ra cho làng Đông Thượng. Cụ Thọt thật ra không phải tên cụ mà là do từ

tấm bé cụ đã bị thọt một chân bên trái. Trải qua thời gian từ tên cụ Thọt lên đến anh, đến ông và bây giờ đã thất thập cổ lai hy được gọi một cách kính trọng là cụ. Lúc nhỏ bị bọn trẻ kêu là Thọt thì cũng tức, cũng đã chửi bới đánh lộn với bọn nó. Song riết rồi cũng quen với cái tên mới này. Khi lớn lên, chống nạng đi xem hội lễ Thành Hoàng, nhìn bọn thanh niên cùng trang lứa đóng vai cướp, Thọt thèm khát biết bao nhiêu. Thọt chỉ biết đứng ở góc đình nhìn bọn trai gái “cướp nhau” chạy ào ào ra bờ đê, ra gò mả mà nóng cả mặt, mà thương thân mình. Thế rồi Thọt yêu Xuyên ngấm ngấm. Hàng ngày cứ chống nạng lại nhà Xuyên đứng ở bờ tre nhìn vào, lòng Thọt nôn nao chỉ mong được thấy bóng dáng của nàng. Nhưng rồi Thọt đã khám phá thấy đối thủ của mình là anh Mối con cụ Mỡ. Thọt bèn đến mách mẹ Xuyên khi Xuyên đi cắt cỏ. Bà ta đã bảo anh: “Này anh Thọt ạ, tôi không có dư con gái mà gả cho hạng ấy. Cái thứ nghèo mạt rệp, giai cấp hạ lưu mà... mà. Cha bố nó, làm gì có chuyện đưa mồi đòi mâm son, anh đừng có đặt điều làm giảm gia phong nhà tôi”. Thọt hiểu rằng bà ta nói cái nghèo mạt rệp là ám chỉ anh. Từ đấy lòng căm thù đối với Mối càng sâu. Bao

nhieu năm qua đi đã tưởng rằng quên. Nay nghe nhắc đến tên Mối, mắt lão - đôi mắt đã kéo mây - ngược lên như nhìn thấy kẻ thù trước mặt, thấy rõ cái bụng Xuyên ngày càng to và cái thằng Mối ấy là thủ phạm. Lão Thọt thấy sống lại cả một thời thua thiệt của mình. Bỗng nhiên lão găm gù trong lời nói:

- Mối ấy à? Nó là tên ăn cướp, cả cái đám thanh niên làng này đều là ăn cướp - Bọn nó cướp gái rồi... bỏ trốn đi hết...

- Dạ cụ nói sao ạ? Ông Mối là tướng cướp?

- Làm gì được làm tướng với tá... chỉ là bọn lâu la bộ hạ thôi... Chuyên bắt hồng trong đồng rơm ấy!

Út choáng váng. Anh chào trong hơi thở đứt. Và vội rời làng. Qua nơi làm việc của thôn, anh chỉ dám liếc nhìn và đi như chạy. “Bố mình ngày xưa là tướng cướp à? Trời ơi! Thế thì còn lý với lịch gì nữa”!

Bao nhiêu vàng mã đem theo, Út khom lưng quỳ gối trước mộ Thành Hoàng bật lửa lên đốt. Nước mắt anh tự dưng trào ra: “Chẳng lẽ lời người sống không tin lại đi tin lời ma quỷ”. Nhưng bài vị Thành Hoàng còn

trong cái ống nứa này. Trời ơi! Hay thế giới bây giờ người và ma quỷ sống lẫn lộn cùng nhau. Và trong tâm thức mù mờ ấy, khi tàu qua sông - một dòng sông đục nước phù sa, mênh mông sương khói đầu thu - Út lẳng lặng quăng bài vị Thành Hoàng làng Đông Thượng. Ống nứa màu đen sẫm nổi bồng bênh trôi theo dòng nước cuộn cuộn chảy về đông.

(*) Vũ Trung Tùy bút – Phạm Đình Hồ